

Số: 312/BC-CP

Hà Nội, ngày 03 tháng 8 năm 2019

**BÁO CÁO****Tổng hợp kết quả thực hiện các Nghị quyết, Kết luận  
của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về chất vấn và giám sát chuyên đề  
từ đầu nhiệm kỳ đến hết năm 2018**

CỘNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
Giờ: ... 5 ...	ĐẾN
Ngày: 07/8/2019...	

Kính gửi: Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Thực hiện Chương trình công tác năm 2019 và Kế hoạch số 432/KH-UBTVQH14 ngày 29/7/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ đã có 10 báo cáo về việc thực hiện các nghị quyết, kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về chất vấn và giám sát chuyên đề từ đầu nhiệm kỳ đến hết năm 2018 đối với từng lĩnh vực cụ thể (danh mục kèm theo).

Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện như sau:

**I. LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ****1. Về thực hiện Nghị quyết số 297/NQ-UBTVQH14 ngày 02/11/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.****a) Về phát triển khoa học và công nghệ (KH&CN)**

Chính phủ đã chỉ đạo tập trung hoàn thiện hành lang pháp lý cho hoạt động KH&CN phù hợp với tình hình phát triển và các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới mà Việt Nam ký kết, bảo đảm thực thi quyền sở hữu trí tuệ. Sắp xếp, tổ chức lại nhiệm vụ KH&CN và kiện toàn, sắp xếp lại mạng lưới tổ chức KH&CN công lập. Phát triển doanh nghiệp KH&CN, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo.

Củng cố tiềm lực KH&CN quốc gia được theo hướng phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội vùng và địa phương, gắn với mục tiêu, nhiệm vụ phát triển KH&CN trong từng giai đoạn. Phân bổ và sử dụng ngân sách cho KH&CN.

Kết quả thực hiện chiến lược về phát triển KH&CN giai đoạn 2011 - 2020 cho thấy một số mục tiêu có khả năng đạt được theo mức đề ra như: Tỷ trọng giá trị sản phẩm công nghệ cao, giá trị giao dịch của thị trường công nghệ... nhưng một số mục tiêu khó đạt được như: Tốc độ đổi mới công nghệ, thiết bị, số lượng sáng chế đã được bảo hộ của Việt Nam, số lượng doanh nghiệp KH&CN...

**b) Về thúc đẩy công nghiệp hỗ trợ và cơ khí chế tạo**

Ngay sau khi Luật chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017 được sửa đổi, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 về hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Chuyển giao công

nghe. Theo đó, đã quy định cơ chế chính sách đặc thù nhằm hỗ trợ “Phát triển công nghệ tạo ra và hoàn thiện các sản phẩm quốc gia, trọng điểm, chủ lực”,

Kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN quy mô lớn, phát triển sản phẩm quốc gia thuộc lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ và cơ khí chế tạo. Giai đoạn 2016 - 2020, có 02 Chương trình trọng điểm cấp nhà nước liên quan nhiều đến lĩnh vực cơ khí chế tạo và công nghiệp hỗ trợ là Chương trình về vật liệu và Chương trình về năng lượng được triển khai. Thời gian qua, Chính phủ đã chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương đưa vào thực hiện 13 dự án hỗ trợ phát triển ngành cơ khí trong nước. Các dự án KH&CN đã đem lại hiệu quả thiết thực đối với ngành cơ khí chế tạo và công nghiệp hỗ trợ, cụ thể đã góp phần nâng cao năng lực thiết kế, chế tạo dây chuyền đồng bộ thuộc danh mục sản phẩm cơ khí trọng điểm, góp phần nâng cao trình độ công nghệ ngành cơ khí Việt Nam.

Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, nâng cao tiềm lực, năng lực nghiên cứu triển khai của các Viện nghiên cứu, các tập đoàn, tổng công ty. Nâng cao năng lực chế tạo của các doanh nghiệp. Đầu tư phát triển có trọng tâm, trọng điểm một số phòng thí nghiệm chuyên ngành thuộc các lĩnh vực công nghiệp cơ khí chủ lực. Xây dựng các cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN.

Tình hình chuyển giao công nghệ công ty có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài cho các doanh nghiệp trong nước còn hạn chế, nhưng một số công nghệ tạo giống cây trồng, vật nuôi mới, nuôi trồng thủy sản, sản xuất thức ăn chăn nuôi,... đi kèm với đó là mô hình quản lý trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, chuỗi giá trị sản xuất, ứng dụng CNC để đảm bảo vệ sinh thực phẩm và gia tăng giá trị sản phẩm nông nghiệp đã được chuyển giao từ khu vực đầu tư nước ngoài cho khu vực trong nước, mặc dù chiếm tỷ trọng nhỏ.

Hình thành ngành và lĩnh vực sản phẩm để phát triển theo lộ trình. Sử dụng sản phẩm được tạo ra trong nước trong đầu tư mua sắm công liên quan đến lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ và cơ khí chế tạo. Đổi mới cơ chế quản lý, nâng cao vai trò quản lý nhà nước về cơ khí chế tạo và công nghiệp hỗ trợ.

## **2. Về thực hiện Thông báo số 1672/TB-TTKQH ngày 09/4/2018 của Tổng Thư ký Quốc hội**

Tiếp tục hoàn thiện hành lang pháp lý, tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, thúc đẩy nhanh quá trình thương mại hóa kết quả nghiên cứu, phát triển thị trường KH&CN; ban hành các chính sách cụ thể để hỗ trợ chuyển giao công nghệ, tăng cường kết nối giữa viện nghiên cứu, trường đại học với các doanh nghiệp nhằm nhanh chóng nâng cao trình độ công nghệ và năng lực hấp thụ công nghệ của doanh nghiệp.

Tăng cường công khai minh bạch nhiệm vụ KH&CN các cấp. Bảo đảm hài hòa giữa nghiên cứu khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn. Cơ sở dữ liệu về kết quả nghiên cứu KH&CN bước đầu được hình thành, được đưa vào sử dụng tại các bộ, ngành, địa phương. Cơ sở dữ liệu nhiệm vụ KH&CN đã được tích hợp vào Hệ thống thông tin KH&CN và được sử dụng trên toàn quốc để các cơ quan quản lý, tổ chức, cá nhân tra cứu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN nhằm tránh trùng lặp trong hoạt động nghiên cứu và

tiếp thu, ứng dụng kết quả thực hiện các nhiệm vụ KH&CN vào đời sống.

Quan tâm xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ KH&CN. Nâng cao hiệu quả chính sách sử dụng và trọng dụng cán bộ KH&CN; thu hút trí thức là người Việt Nam ở nước ngoài. Bảo đảm chi ngân sách nhà nước hằng năm cho KH&CN; tiếp tục huy động nguồn lực tài chính của doanh nghiệp, nguồn lực xã hội để đầu tư cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

Quan tâm phát triển khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia để thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp sáng tạo trong cộng đồng, đặc biệt là giới trẻ Việt Nam. Tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp để tiếp tục cải thiện chỉ số đổi mới sáng tạo của Việt Nam. Năm 2018 của Việt Nam đã tăng 02 bậc so với năm 2017, xếp hạng 45/126 quốc gia/nền kinh tế (năm 2017 xếp hạng 47/127 quốc gia/nền kinh tế).

Hoàn thiện giai đoạn xây dựng để tập trung thu hút đầu tư vào các khu công nghệ cao. Đẩy mạnh hoạt động ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao và lĩnh vực công nghệ cao; tập trung xây dựng Chương trình trọng điểm cấp quốc gia về cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư để phục vụ các nhà khoa học, doanh nghiệp nghiên cứu, ứng dụng, làm chủ và chuyển giao công nghệ trong các lĩnh vực có liên quan

Thực hiện nghiêm các quy định kiểm soát nhập khẩu công nghệ, thiết bị đã qua sử dụng. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra để kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý những vi phạm về nhập khẩu công nghệ, thiết bị lạc hậu.

### **3. Về thực hiện Nghị quyết số 297/NQ-UBTVQH14, Thông báo số 1672/TB-TTKQH**

#### **a) Những kết quả đạt được**

Hành lang pháp lý về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tiếp tục được hoàn thiện, cơ bản đáp ứng được yêu cầu phát triển và các hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam đã ký kết; tạo điều kiện tương đối thuận lợi để các doanh nghiệp hoạt động trong công nghiệp hỗ trợ và cơ khí chế tạo triển khai các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Tiềm lực KH&CN tiếp tục được củng cố, hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo phát triển nhanh. Nguồn nhân lực KH&CN gia tăng nhanh về số lượng, chất lượng từng bước được cải thiện. Kinh phí ngoài ngân sách nhà nước đầu tư cho hoạt động KH&CN, đặc biệt từ các doanh nghiệp lớn có xu hướng tăng.

Nhiều chương trình, dự án KH&CN được triển khai, góp phần nâng cao tiềm lực KH&CN phục vụ các ngành công nghiệp hỗ trợ và chế biến, chế tạo. Tình hình triển khai các nhiệm vụ KH&CN các cấp ngày càng minh bạch hóa, nhiều thủ tục hành chính được rút gọn, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các cá nhân và tổ chức triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Các quy định về kiểm soát công nghệ nhập khẩu công nghệ, thiết bị được hoàn thiện, góp phần tạo điều kiện cho doanh nghiệp hoạt động, đồng thời kiểm soát được chặt chẽ các công nghệ, thiết bị lạc hậu.

Trong nông nghiệp, KH&CN đóng góp trên 30% giá trị gia tăng trong sản xuất nông nghiệp, 38% trong sản xuất giống cây trồng, vật nuôi, góp phần vào kết quả kim ngạch xuất khẩu nông sản năm 2018 ước đạt 40,02 tỷ USD; Các lĩnh vực khác như công nghiệp, xây dựng, giao thông, y tế, quốc phòng, khoa học xã hội và nhân văn... đều có bước phát triển. Hoạt động KH&CN ở các địa phương được quan tâm triển khai với mục đích tạo thành động lực thực sự cho phát triển kinh tế - xã hội, phát huy thế mạnh vùng, miền, thúc đẩy hình thành liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị.

Quan hệ hợp tác về KH&CN được triển khai với hơn 70 quốc gia, vùng lãnh thổ, tổ chức quốc tế và khu vực; là thành viên của hơn 100 tổ chức quốc tế và khu vực về KH&CN; mạng lưới đại diện KH&CN được xây dựng tại nhiều quốc gia có thế mạnh về phát triển kinh tế dựa trên KH&CN đã giúp nâng cao năng lực đổi mới, sáng tạo, nghiên cứu về khả năng phát triển kinh tế số ở Việt Nam; tiếp cận các công nghệ tiên tiến của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

#### b) Một số tồn tại, hạn chế

Việc chuyển giao các kết quả nghiên cứu khoa học, đặc biệt là các kết quả phát triển công nghệ từ nguồn vốn hỗ trợ của nhà nước cho doanh nghiệp cần tiếp tục được quan tâm hoàn thiện để tạo thành sản phẩm, hàng hóa cung cấp cho thị trường.

Thị trường KH&CN phát triển còn chậm, còn thiếu các tổ chức trung gian có uy tín, kinh nghiệm trong hoạt động kết nối cung - cầu, nguồn cung công nghệ của thị trường còn hạn chế. Đổi mới công nghệ chưa trở thành nhu cầu cấp bách của doanh nghiệp do quy mô còn nhỏ và hạn chế về năng lực tài chính, năng lực quản lý. Việc thu hút thêm nguồn lực đầu tư từ xã hội cho Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia trong thời gian vừa qua còn khiêm tốn.

Việc ban hành các văn bản để thực hiện đổi mới cơ chế hoạt động của các tổ chức KH&CN công lập còn chậm. Các quy định trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ cần tiếp tục được rà soát, sửa đổi, bổ sung để phục vụ kịp thời yêu cầu của thực tiễn. Việc nghiên cứu, đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư của các bộ, ngành, địa phương cần được triển khai đi vào thực chất hơn.

Đối với thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ và cơ khí chế tạo, có một số tồn tại sau: Việc cụ thể hóa, tổ chức thực hiện các cơ chế chính sách hỗ trợ còn lúng túng, thiếu sự nhất quán, không thường xuyên; Sự gắn kết giữa các viện nghiên cứu, trường đại học với các doanh nghiệp còn hạn chế. Thiếu những cơ chế chính sách đủ mạnh về việc tạo điều kiện hỗ trợ sản phẩm đầu ra được áp dụng rộng rãi trong thực tế; Kinh phí đầu tư cho hoạt động nghiên cứu ứng dụng, thử nghiệm còn hạn chế; Các tổ chức KH&CN hoạt động chưa hiệu quả, sự phối hợp giữa các đơn vị nghiên cứu trong ngành, lĩnh vực còn yếu; Cơ chế hỗ trợ tài chính cho hoạt động nghiên cứu ứng dụng còn nhiều bất cập.

#### c) Giải pháp, kiến nghị

- Giải pháp

Khơi thông các nguồn lực, tăng cường huy động nguồn lực xã hội đầu tư

cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, nhất là từ doanh nghiệp. Thu hút chọn lọc, có hiệu quả nguồn vốn đầu tư từ nước ngoài thông qua các dự án, nhiệm vụ hợp tác KH&CN, ưu tiên dự án công nghệ cao, thân thiện môi trường, chuyên giao công nghệ, liên kết với doanh nghiệp trong nước để tham gia chuỗi giá trị toàn cầu. Tiếp tục đổi mới cơ chế huy động và sử dụng ngân sách nhà nước cho phát triển KH&CN; đổi mới cơ chế quản lý tài chính đối với các tổ chức KH&CN công lập, tổ chức và hoạt động của các quỹ KH&CN.

Hoàn thiện pháp luật về sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KH&CN và thu hút cá nhân hoạt động KH&CN là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động KH&CN tại Việt Nam.

Triển khai các giải pháp để tiếp thu và làm chủ các công nghệ cốt lõi của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Triển khai hiệu quả Đề án "Phát triển Hệ tri thức Việt số hóa".

Phát triển mạnh mẽ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia liên kết chặt chẽ với cộng đồng khởi nghiệp trong khu vực và quốc tế, biến khởi nghiệp sáng tạo thành một trong những động lực đột phá cho đổi mới mô hình tăng trưởng.

Rà soát, tái cơ cấu các chương trình KH&CN quốc gia theo hướng xác định doanh nghiệp là trung tâm của hệ thống sáng tạo quốc gia.

Phát triển tiềm lực KH&CN, nhân lực KH&CN. Chú trọng giải pháp đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực thông qua thực hiện nhiệm vụ KH&CN. Tiếp tục phối hợp với các bộ, ngành, địa phương triển khai có hiệu quả chính sách thu hút, sử dụng, trọng dụng cán bộ KH&CN.

Đẩy mạnh phát triển thị trường KH&CN, doanh nghiệp KH&CN, dịch vụ KH&CN. Thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu, phát triển tổ chức trung gian của thị trường KH&CN.

Đẩy mạnh hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, thực hiện hiệu quả Chương trình quốc gia về nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020. Tập trung thúc đẩy bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, phát triển và khai thác tài sản trí tuệ phục vụ phát triển kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế.

Đẩy mạnh phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ và cơ khí chế tạo, lựa chọn đầu tư chiều sâu có trọng tâm, trọng điểm đối với lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ và cơ khí chế tạo để triển khai giai đoạn đến năm 2025. Đầu tư xây dựng phòng thí nghiệm chuyên ngành có cơ sở vật chất, thiết bị nghiên cứu hiện đại đạt trình độ khu vực và thế giới. Tiếp tục thực hiện chính sách ưu đãi, thu hút và trọng dụng nhân tài trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ và cơ khí chế tạo thuộc các ngành trọng điểm, tăng cường hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ trong các ngành công nghiệp, đặc biệt công nghệ cơ khí, công nghiệp hỗ trợ theo chiều sâu. Lựa chọn và xây dựng chính sách đặc biệt đối với nhập khẩu công nghệ nguồn, công nghệ cao trong công nghiệp cơ khí chế tạo, công nghiệp hỗ trợ để làm cơ sở triển khai nhân rộng.

- Kiến nghị

Đề nghị Quốc hội xem xét, đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2021 việc xây dựng Luật Sở hữu trí tuệ (sửa đổi) để phù hợp với thực tiễn và cam kết quốc tế.

Đề nghị Quốc hội tạo điều kiện thuận lợi, chỉ đạo các cơ quan của Quốc hội phối hợp, tiếp thu các đề xuất để bảo đảm các quy định pháp luật về KH&CN đồng bộ các quy định của pháp luật liên quan. Bổ sung quy định về doanh nghiệp KH&CN được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp trong Luật thuế thu nhập và các văn bản dưới luật; sửa đổi, bổ sung đồng bộ các quy định về việc doanh nghiệp KH&CN hưởng ưu đãi về: ưu đãi sử dụng đất, miễn giảm tiền thuê đất; ưu tiên thuê đất trong khu kinh tế, khu công nghệ cao; vay vốn tín dụng ưu đãi...

Đề nghị Ủy ban Thường vụ Quốc hội tiếp tục quan tâm giám sát, kiểm tra để nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về KH&CN.

## **II. LĨNH VỰC GIAO THÔNG VẬN TẢI**

### **1. Đánh giá chung về tình hình thực hiện Nghị quyết số 437/NQ-UBTVQH ngày 21/10/2017**

Sau khi Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 437/NQ-UBTVQH ngày 21/10/2017 về một số nhiệm vụ và giải pháp tiếp tục hoàn thiện và đẩy mạnh việc thực hiện chính sách pháp luật về đầu tư và khai thác các công trình giao thông theo hình thức hợp đồng BOT, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 83/NQ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2018 giao nhiệm vụ cụ thể cho các Bộ, ngành, địa phương để triển khai nghị quyết nêu trên theo hướng:

Việc nghiên cứu thể chế, cơ chế chính sách luôn đặt lợi ích của nhân dân lên trước, đảm bảo nguyên tắc đầu tư bình đẳng, hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, Nhà đầu tư và người sử dụng.

Tăng cường sự phối, kết hợp giữa các Bộ, ngành, địa phương, thông tin các dự án BOT đã được tiếp tục công bố rộng rãi cho người dân và doanh nghiệp. Các Bộ, ngành, địa phương đã tích cực, chủ động rà soát những vấn đề còn tồn tại của các dự án, khắc phục hạn chế, yếu kém, đồng thời báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, tháo gỡ khó khăn cho các dự án đã, đang và chuẩn bị triển khai trong thời gian tới.

Kiên quyết không đầu tư các dự án cải tạo, nâng cấp các tuyến đường độc đạo hiện hữu theo hình thức hợp đồng BOT để đảm bảo quyền lựa chọn cho người dân. Trong một số trường hợp, Bộ Giao thông vận tải và các địa phương đã dừng việc nghiên cứu đầu tư các dự án cải tạo, nâng cấp đường hiện hữu trước đây theo hình thức hợp đồng BOT.

Hầu hết các trạm thu phí BOT đều có hình thức miễn, giảm giá để tạo điều kiện cho người dân và doanh nghiệp tại khu vực lân cận trạm thu phí được đi lại không mất phí hoặc với mức phí thấp.

Tồn tại: Từ năm 2018 đến nay, chỉ có 08 dự án đầu tư một số đoạn đường bộ trên tuyến cao tốc Bắc - Nam phía đông giai đoạn 2017 - 2020 được

thực hiện theo hình thức hợp đồng BOT, các địa phương đa phần tập trung vào các dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BT. Việc ban hành một số văn bản pháp luật về việc đầu tư theo hình thức hợp đồng BOT còn chậm, chưa kịp thời đáp ứng nhu cầu triển khai các dự án BOT.

Một số tồn tại của các dự án BOT đã đầu tư trong giai đoạn 2011 - 2015 chưa giải quyết triệt để dẫn đến dư luận tiếp tục bức xúc về mức phí, vị trí trạm thu phí, thông tin dự án...; chưa đảm bảo đủ điều kiện để tiến hành thu phí tự động không dừng từ năm 2019 đối với tất cả các tuyến quốc lộ được đầu tư theo hình thức hợp đồng BOT trên cả nước theo Nghị quyết Quốc hội.

## **2. Về việc thực hiện Nghị quyết 437/NQ-UBTVQH**

a) Tổng kết việc triển khai các mô hình đầu tư theo hình thức PPP:

Tại Nghị quyết số 83/NQ-CP, Chính phủ đã giao nhiệm vụ cho các Bộ, ngành có báo cáo để Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp tổng kết việc triển khai thực hiện các mô hình đầu tư theo hình thức PPP của tất cả các ngành trình Chính phủ báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội, Quốc hội.

Bộ Giao thông vận tải đã tổng hợp, đánh giá hệ thống văn bản quy phạm pháp luật; tổng hợp kết quả huy động và đánh giá hiệu quả huy động nguồn lực xã hội; đánh giá rà soát quy định về lập, thẩm định, phê duyệt dự án, lựa chọn nhà đầu tư, công tác quản lý chi phí đầu tư xây dựng, vận hành, khai thác; công tác quyết toán các dự án đã hoàn thành; tình hình thực hiện các kết luận của các đoàn kiểm tra, thanh tra, kiểm toán nhà nước; xử lý những tồn tại, yếu kém và kiểm điểm trách nhiệm các tổ chức, cá nhân có thiếu sót, khuyết điểm.

Chính phủ đã có báo cáo số 25/BC-CP ngày 30/01/2019 báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội, Quốc hội về tổng kết tình hình thực hiện dự án đầu tư theo hình thức PPP. Đề nghị Ủy ban thường vụ Quốc hội cho ý kiến về những nội dung đã báo cáo để Chính phủ tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách đầu tư theo hình thức PPP nói chung và hợp đồng BOT nói riêng.

b) Về một số vấn đề chính còn tồn tại của cơ chế, chính sách, pháp luật về đầu tư theo hình thức đối tác công tư, trong đó có hình thức hợp đồng BOT cần nghiên cứu để tập trung tháo gỡ và hoàn thiện.

- Ngày 04/5/2018, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 63/2018/NĐ-CP về đầu tư theo hình thức đối tác công tư với một số nội dung quy định mới để khắc phục tối đa các tồn tại, hạn chế, thời gian qua. Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Thông tư số 09/2018/TT-BKHĐT ngày 28/12/2018 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 63/2018/NĐ-CP, trong đó có quy định về tiêu chí lựa chọn dự án để đầu tư theo hình thức đối tác công tư.

- Dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17/3/2015 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Chính phủ. Tuy nhiên, hiện nay Chính phủ cũng đang hoàn thiện dự thảo Nghị định quy định việc sử dụng tài sản công để thanh toán cho Nhà đầu tư khi thực hiện dự án BT, trong đó có việc lựa chọn nhà đầu tư. Do đó, để bảo đảm phù hợp với các luật có liên quan (như Luật Đất đai, Luật Quản

lý, sử dụng tài sản công, Luật Đấu thầu...), Chính phủ đang chỉ đạo rà soát để việc lựa chọn nhà đầu tư dự án BT bảo đảm công khai, minh bạch, chống thất thoát tài sản công, bao gồm quỹ đất để thanh toán cho nhà đầu tư.

- Việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình xây dựng quy định tại Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng và Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng và các thông tư hướng dẫn. Việc thực hiện các Nghị định và Thông tư hướng dẫn nêu trên đã góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật về xây dựng, nâng cao hiệu quả dự án đầu tư xây dựng nói chung và các dự án áp dụng hình thức đối tác công tư nói riêng, tạo thị trường xây dựng cạnh tranh, góp phần phòng chống thất thoát, lãng phí trong đầu tư xây dựng.

- Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2018 của và nhiệm vụ của Thủ tướng Chính phủ giao tại Đề án "Hoàn thiện hệ thống định mức và giá xây dựng" (Quyết định số 2038/QĐ-TTg ngày 18/12/2017), Bộ Xây dựng đã dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng và các Thông tư hướng dẫn, dự kiến ban hành trong năm 2019. Chủ trì rà soát 14.448/14.448 định mức xây dựng; rà soát 349/349 định mức hạ tầng kỹ thuật đô thị; rà soát, kiểm tra, đánh giá 596 suất vốn đầu tư, giá bộ phận kết cấu xây dựng, tạm thời khắc phục những bất cập về thuyết minh áp dụng, về công nghệ áp dụng, về việc ban hành, công bố ở nhiều Quyết định khác nhau. Có 30/63 địa phương có kế hoạch triển khai Đề án và 12/63 địa phương gửi kèm danh mục định mức rà soát gửi về Bộ Xây dựng. Các địa phương còn lại đang lấy ý kiến cơ quan chuyên môn tại địa phương trước khi báo cáo Bộ Xây dựng.

- Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 88/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 quy định về quản lý tài chính đối với dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư và chi phí lựa chọn nhà đầu tư, Thông tư số 120/2018/TT-BTC ngày 10/12/2018 quy định mức lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư, thanh toán phần vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án và quyết toán công trình dự án hoàn thành theo hình thức đối tác công tư thuộc Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017 - 2020.

- Ngày 28/9/2018, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 88/2018/TT-BTC quy định một số nội dung về quản lý tài chính đối với dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư và chi phí lựa chọn nhà đầu tư.

- Cơ chế tham vấn trước khi quyết định đầu tư và việc người sử dụng dịch vụ phản hồi về cung cấp dịch vụ đối với các cơ quan quản lý nhà nước được quy định tại Nghị định số 63/2018/NĐ-CP.

- Bộ Giao thông vận tải đã ban hành Thông tư số 50/2018/TT-BGTVT ngày 11/9/2018 quy định về việc tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết và thực hiện hợp đồng các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư do Bộ Giao thông vận tải quản lý.



- Bộ Giao thông vận tải đã ban hành Quyết định số 543/QĐ-BGTVT ngày 21/3/2018. "*hướng dẫn về yêu cầu chung đối với công tác điều tra, khảo sát lưu lượng, tải trọng và dự báo giao thông*" phục vụ công tác lập dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông đường bộ, làm cơ sở tính toán trong phương án tài chính.

- Bộ Xây dựng đang chỉ đạo cơ quan chuyên môn phối hợp với các tổ chức quốc tế, các hiệp hội nghề nghiệp và các chuyên gia trong lĩnh vực kinh tế xây dựng để xây dựng, hoàn thiện các mẫu biểu khảo sát, xây dựng và thực hiện kế hoạch khảo sát; dự thảo cơ sở lý luận các phương pháp mới xây dựng hệ thống định mức và giá xây dựng phù hợp với kinh tế thị trường và thông lệ quốc tế. Nội dung các phương pháp mới sẽ được đưa vào quy định trong các Thông tư hướng dẫn Nghị định thay thế Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

- Hàng năm, Bộ Xây dựng đều công bố tập suất vốn đầu tư và giá xây dựng tổng hợp bộ phận kết cấu công trình theo Chương trình xây dựng hệ thống công cụ, thông tin phục vụ quản lý nhà nước của Bộ. Bộ Xây dựng sẽ tiếp tục nghiên cứu để hoàn thiện và công bố suất vốn đầu tư cho một số công trình giao thông khác thực hiện theo hình thức BOT phù hợp với thực tiễn.

- Bộ Giao thông vận tải đã xây dựng mẫu hợp đồng BOT áp dụng cho các dự án do Bộ Giao thông vận tải quản lý, trong đó loại bỏ các điều khoản bí mật theo Nghị quyết số 83/NQ-CP. Tuy nhiên, việc loại bỏ các điều khoản bí mật trong hợp đồng có thể sẽ gặp vướng mắc, khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện, đặc biệt đối với các nhà đầu tư nước ngoài.

- Đối với việc trình Quốc hội ban hành Luật về đầu tư theo hình thức đối tác công tư. Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật PPP đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư hoàn thiện, trình Chính phủ trong tháng 7/2019 và dự kiến được trình Quốc hội cho ý kiến tại kỳ họp thứ 8 (tháng 10/2019).

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã trình Chính phủ đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp nhằm tiếp tục tạo dựng môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, minh bạch, bình đẳng, an toàn và thân thiện cho mọi người dân, doanh nghiệp, đồng thời nâng cao hiệu lực, hiệu quả nhà nước đối với hoạt động đầu tư kinh doanh.

c) Việc quy hoạch, kế hoạch đầu tư và triển khai lựa chọn nhà đầu tư

- Về quy hoạch:

Để sớm tổ chức thực hiện Luật Quy hoạch năm 2017, Tại Quyết định số 995/QĐ-TTg ngày 09/8/2018, Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Giao thông vận tải thực hiện 05 quy hoạch ngành quốc gia. Hiện nay, Bộ Giao thông vận tải đang chỉ đạo các đơn vị chức năng triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao. Ngoài ra, Bộ Giao thông vận tải đang triển khai xây dựng các Đề án tăng cường kết nối giao thông trong một số khu vực trọng điểm (*Đề án kết nối mạng giao thông các tỉnh miền núi phía Bắc, các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, các tỉnh khu vực Đông Nam bộ*), các Đề án nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác các hạ tầng giao thông trọng

yếu (*cảng cửa ngõ Hải Phòng, cảng hàng không quốc tế Long Thành*), hoàn thành trong năm 2019.

- Về việc lập danh mục các dự án giao thông theo thứ tự ưu tiên đầu tư

Hiện nay, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 về cơ bản đã được giao hết cho các Bộ, ngành và địa phương nói chung và Bộ Giao thông vận tải nói riêng. Việc lựa chọn dự án ưu tiên đầu tư sẽ được thực hiện sớm cho kỳ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025. Chính phủ dự kiến định hướng như sau:

+ Tiếp tục đẩy mạnh huy động nguồn vốn ngoài ngân sách (bao gồm cả vốn đầu tư nước ngoài), tận dụng tối đa cơ hội sử dụng nguồn vốn ODA, vay ưu đãi cho các dự án hạ tầng giao thông.

+ Xác định danh mục, thứ tự ưu tiên đầu tư của các công trình, dự án trọng tâm, trọng điểm có tính kết nối, lan toả cao hoặc công trình, dự án nâng cao được hiệu quả khai thác của các hạ tầng trọng yếu đã đầu tư (*cảng biển, cảng hàng không cửa ngõ*) tại mỗi khu vực.

Sau khi có chủ trương của Quốc hội về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025, Chính phủ sẽ chỉ đạo Bộ Giao thông vận tải lựa chọn danh mục các dự án cần ưu tiên triển khai thực hiện trong giai đoạn 2021 - 2025 phù hợp với từng hình thức đầu tư dựa trên lợi thế, đặc điểm của từng vùng cũng như tính cấp thiết, liên thông trong cả quy hoạch hệ thống giao thông.

- Về chủ trương không đầu tư dự án BOT trên đường hiện hữu

Sau khi Nghị quyết số 437/NQ-UBTVQH14 được ban hành đã giải quyết triệt để tồn tại về tiêu chí và chủ trương đầu tư đối các dự án BOT đầu tư mới. Bộ Giao thông vận tải đã dừng 14 dự án BOT có tiêu chí trên đường hiện hữu. Điều chỉnh, xử lý bổ sung một số hạng mục địa phương kiến nghị đối với các dự án BOT do UBND các tỉnh, thành phố đang triển khai. Tuy nhiên, các địa phương có tuyến đi qua liên tục kiến nghị với Thủ tướng Chính phủ về việc bố trí vốn từ ngân sách Nhà nước để đầu tư các dự án theo hình thức đầu tư công do các tuyến này đã xuống cấp, ảnh hưởng tới việc lưu thông của người dân.

Chính phủ đã báo cáo Quốc hội cho phép chuyển đổi hình thức đầu tư các dự án đường bộ ven biển từ Quảng Ninh đến Nghệ An từ hình thức đối tác công tư (PPP) sang hình thức đầu tư công sử dụng ngân sách nhà nước và đã được Quốc hội chấp thuận tại Nghị quyết số 71/2018/QH14 ngày 12/11/2018. Đối với một số dự án khác, khi chưa có nguồn vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước có thể sẽ gây bức xúc trong xã hội.

Để giải quyết vấn đề nêu trên, trong dự thảo Luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư PPP, các Bộ, ngành đang nghiên cứu quy định về đầu tư nâng cấp, cải tạo các dự án trên đường hiện hữu theo hướng không thu phí trực tiếp từ người sử dụng và Nhà nước thanh toán trực tiếp cho nhà đầu tư dựa trên chất lượng dịch vụ yêu cầu tại Hợp đồng dự án.

- Đầu tháng 5/2019, triển khai Nghị quyết số 52/2017/QH14 ngày 22/11/2017 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng một số đoạn

đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017 - 2020, Bộ Giao thông vận tải đã phát hành hồ sơ mời sơ tuyển các nhà đầu tư trong nước và quốc tế trên website của Bộ Giao thông vận tải.

- Theo chức năng, nhiệm vụ, Bộ Giao thông vận tải đã ban hành Thông tư số 35/2016/TT-BGTVT ngày 15/11/2016 quy định mức giá tối đa dịch vụ sử dụng đường bộ các dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinh doanh do Bộ GTVT quản lý; Thông tư số 60/2018/TT-BGTVT ngày 21/12/2018 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 35/2016/TT-BGTVT; Thông tư số 49/2016/TT-BGTVT ngày 30/12/2016 quy định về xây dựng, tổ chức và hoạt động của trạm thu phí. Tại các Thông tư nêu trên, việc công khai, minh bạch các thông tin về dự án BOT đã được Bộ Giao thông vận tải quy định, đồng thời công bố thông tin chi tiết về tất cả dự án để thuận tiện cho người dân giám sát.

#### d) Về giải pháp huy động vốn

- Đối với việc nghiên cứu giải pháp phù hợp huy động vốn trong nước và nước ngoài cho các dự án có quy mô lớn; các dự án có ảnh hưởng lớn đến phát triển kinh tế - xã hội, các dự án chậm tiến độ, khó có khả năng tiếp tục đầu tư:

Về cơ chế chính sách: Luật quản lý và sử dụng tài sản công năm 2017 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2018) đã cho phép khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thông qua các hình thức theo quy định của pháp luật nhằm tạo lập nguồn tài chính phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Đến nay, Chính phủ đã ban hành các Nghị định số 44/2018/NĐ-CP ngày 13/3/2018 quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không; Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13/3/2018 quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa; Nghị định số 46/2018/NĐ-CP ngày 14/3/2018 quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia; Nghị định số 33/2019/NĐ-CP ngày 23/4/2019 quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Về một số dự án cụ thể: Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ đã tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong việc huy động vốn đầu tư của nhà nước nhằm đảm bảo phương án tài chính của một số dự án lớn có tác động lan tỏa đến vùng miền như dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn, cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận - Cần Thơ.

Tại Nghị quyết số 52/2017/QH14, Dự án đầu tư xây dựng một số đoạn trên tuyến cao tốc Bắc - Nam phía đông giai đoạn 2017 - 2020 đã được Quốc hội cho phép bố trí 55.000 tỷ đồng vốn nhà nước để đầu tư 03 dự án theo hình thức đầu tư công và để tham gia thực hiện 08 dự án BOT. Đến nay, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 20/NQ-CP ngày 28 tháng 3 năm 2018 để triển khai Nghị quyết nêu trên và đến nay đã giao kế hoạch vốn đầu tư công cho Bộ Giao thông vận tải để triển khai thực hiện.

Về nguồn vốn tín dụng đối với các dự án BOT giao thông: Trong thời gian tới, các tổ chức tín dụng sẽ tiếp tục xem xét cho vay đối với các dự án

BOT giao thông theo cơ chế thương mại trên cơ sở dự án khả thi, hiệu quả, có khả năng trả nợ ngân hàng và phù hợp với quy định của pháp luật.

- Xây dựng và ban hành cơ chế, chính sách cụ thể nhằm thu hút nguồn vốn nước ngoài phù hợp với chính sách quản lý nợ nước ngoài của quốc gia, hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực, khoa học công nghệ.

- Chính phủ đã giao Bộ Tài chính nghiên cứu các giải pháp thúc đẩy phát triển thị trường vốn để huy động nguồn vốn dài hạn cho các dự án. Bộ Tài chính đã chủ động phối hợp với các Bộ, ngành trong việc nghiên cứu và thực hiện các giải pháp phát triển thị trường vốn để trở thành kênh huy động vốn trung và dài hạn cho nền kinh tế thông qua việc hoàn thiện khung pháp lý, phát triển sản phẩm, mở rộng hệ thống nhà đầu tư, phát triển hạ tầng và dịch vụ thị trường, thị trường trái phiếu. Kết quả trên cho thấy các giải pháp về thị trường vốn, đặc biệt là thị trường trái phiếu đã được Chính phủ chỉ đạo Bộ Tài chính triển khai thực hiện có hiệu quả, tác động tích cực đến sự phát triển của thị trường.

đ) Về tồn tại cần giải quyết của các công trình giao thông đầu tư theo hình thức hợp đồng BOT đã và đang triển khai

- Đối với việc quyết toán các dự án đã hoàn thành để xác định phương án tài chính và thời gian thu phí sử dụng dịch vụ chính thức. Bộ Giao thông vận tải đã có nhiều giải pháp đồng bộ, đã thành lập Ban chỉ đạo quyết toán, ban hành quy trình quyết toán và các văn bản hướng dẫn, giao kế hoạch quyết toán cho các đơn vị để kiểm điểm đôn đốc các đơn vị hàng tháng. Hầu hết các dự án đều có giá trị quyết toán nhỏ hơn giá trị tổng mức đầu tư ban đầu dẫn đến thời gian thu phí hoàn vốn chính thức đã được giảm xuống.

Theo quy định tại Điều 4, Bộ Luật Dân sự số 33/2005/QH11, các nhà đầu tư không đồng ý giảm trừ lãi vay trong thời gian xây dựng chưa tính trong tổng mức đầu tư của dự án BOT và mức chi phí bảo toàn vốn trên phần vốn chủ sở hữu nên đến nay chưa thể đàm phán điều chỉnh Hợp đồng dự án. Trường hợp Nhà nước đơn phương thực hiện thì có thể sẽ dẫn đến các tranh chấp pháp lý, sẽ tác động tiêu cực đến việc thu hút các nhà đầu tư tham gia thực hiện dự án theo hình thức PPP trong thời gian tới. Chính phủ đã chỉ đạo các Bộ làm việc với Kiểm toán Nhà nước để tháo gỡ vướng mắc nêu trên.

- Đối với việc tháo gỡ khó khăn vướng mắc cho các nhà đầu tư, thực hiện đúng cam kết của Nhà nước với nhà đầu tư về phần vốn hỗ trợ giải phóng mặt bằng, tái định cư của Nhà nước.

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã có những chỉ đạo kịp thời, giải quyết những nút thắt cơ bản của một số dự án lớn theo hình thức BOT. Trong thời gian tới, Chính phủ sẽ tiếp tục đôn đốc tiến độ dự án, đảm bảo sớm đưa công trình vào khai thác sử dụng, phục vụ nhu cầu đi lại của nhân dân.

Theo số liệu quản lý của Bộ Giao thông vận tải, đến nay một số dự án có sự sụt giảm doanh thu so với phương án tài chính ban đầu (do lưu lượng thấp hơn so với dự báo, do xuất hiện các tuyến đường song hành, đường ngang qua khu vực trạm thu phí dẫn đến xe tránh trạm hoặc phân lưu, do giảm phí và chưa tăng phí theo đúng lộ trình trong Hợp đồng theo chỉ đạo của Chính phủ

tại Nghị quyết số 35/NQ-CP và do có sự thay đổi về số lượng trạm thu phí và hỗ trợ từ ngân sách nhà nước so với phương án ban đầu tại Dự án Hàm đường bộ qua Đèo Cả). Việc sụt giảm doanh thu không như dự kiến ban đầu sẽ dẫn tới khó khăn cho các nhà đầu tư dự án BOT và ngân hàng tài trợ. Hiện nay, Chính phủ đang xem xét để xử lý các vấn đề nêu trên.

- Rà soát tổng thể về vị trí đặt trạm, chính sách miễn giảm giá tại tất cả các trạm thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ và quản lý doanh thu chặt chẽ để có những giải pháp đồng bộ, kịp thời, thống nhất, bảo đảm hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, nhà đầu tư và người sử dụng.

Để xử lý triệt để, dứt điểm các bất cập của các trạm thu phí, Nhà nước cần bố trí nguồn vốn để mua lại các dự án. Tuy nhiên, trong giai đoạn hiện nay, rất khó khăn để cân đối đủ nguồn vốn để thực hiện. Thủ tướng Chính phủ đang giao Bộ Giao thông vận tải tiếp tục rà soát báo cáo Chính phủ xem xét giải quyết từng trạm bảo đảm hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, Nhà đầu tư và người sử dụng.

Về chính sách miễn, giảm giá: Toàn bộ các dự án BOT do Bộ Giao thông vận tải quản lý đã được Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Nhà đầu tư phối hợp với địa phương rà soát đề xuất phương án miễn, giảm giá, trong đó đã giảm giá dịch vụ sử dụng đường bộ của 39 dự án.

Về công tác quản lý doanh thu: Bộ Giao thông vận tải đã ban hành Thông tư số 49/2016/TT-BGTVT ngày 30/12/2016 về xây dựng, tổ chức và hoạt động của trạm thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ, theo đó đã có quy định về quản lý doanh thu thu phí.

- Đối với việc xây dựng hoặc sửa đổi, bổ sung các thông tư về các vấn đề có liên quan tới trạm thu giá dịch vụ

Về trạm thu giá dịch vụ: Hiện nay, Bộ Giao thông vận tải đang dự thảo thông tư sửa đổi Thông tư 49/2016/TT-BGTVT nêu trên theo hướng hoàn thiện việc quản lý doanh thu chặt chẽ hơn nữa đồng thời có bổ sung trong đó bổ sung tiêu chí thành lập trạm thu phí và nhà điều hành của các dự án nhằm đảm bảo tính kinh tế, sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư, phù hợp với tinh thần Nghị quyết số 437/NQ-UBTVQH14.

Về việc xây dựng mức phí phù hợp: Bộ Giao thông vận tải đã ban hành Thông tư số 35/2016/TT-BGTVT ngày 15/11/2016 quy định mức giá tối đa dịch vụ sử dụng đường bộ các dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinh doanh do Bộ Giao thông vận tải quản lý, được sửa đổi bổ sung một số điều tại Thông tư số 60/2018/TT-BGTVT ngày 21/12/2018, theo đó đã quy định nguyên tắc xác định mức giá cụ thể cho dịch vụ sử dụng đường bộ.

- Đối với việc thu phí tự động không dừng: Bộ Giao thông vận tải đang hoàn thiện để sớm ban hành Thông tư hướng dẫn Quyết định số 07/2017/QĐ-TTg ngày 27/3/2017 về việc thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ theo hình thức tự động không dừng.

Việc triển khai thu phí tự động không dừng có tiến độ chậm so với yêu cầu của Nghị quyết số 437/NQ-UBTVQH14, nhưng phù hợp với chỉ đạo của

Thủ tướng Chính phủ tại quyết định số 07/2017/QĐ-TTg (chậm nhất đến ngày 31/12/2019 thu phí tự động tất cả các trạm). Nguyên nhân chủ yếu do tiến độ triển khai lắp đặt làn ETC và tiến độ dán thẻ ETC cho các xe còn chậm, có tính chất phức tạp vì tác động tới tất cả người sử dụng. Thời gian tới, Chính phủ sẽ chỉ đạo Bộ Giao thông vận tải đẩy nhanh tiến độ thực hiện, sớm hoàn thành đồng bộ việc thu phí tự động trên toàn quốc.

e) Về sự phối hợp của địa phương có dự án đi qua

Thủ tướng Chính phủ đã có công điện số 82/CD-TTg ngày 18/01/2018 về đảm bảo an ninh trật tự các các trạm thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ theo hình thức hợp đồng BOT trên toàn quốc. Bộ Giao thông vận tải đã yêu cầu các doanh nghiệp dự án phối hợp với các Trạm Cảnh sát giao thông (thuộc Công an tỉnh) phụ trách khu vực đặt Trạm để ký Quy chế phối hợp đảm bảo trật tự an toàn giao thông trên tuyến và phạm vi trạm đang hoạt động, phối với các Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn) khu vực đặt trạm trên tuyến cũng như phạm vi trạm đang hoạt động, lập phương án chống ùn tắc giao thông với các tình huống có thể xảy ra và phương án xử lý. Các Cục Quản lý đường bộ, các Chi cục Quản lý đường bộ thường xuyên tổ chức, kiểm tra, giám sát công tác quản lý, bảo trì của doanh nghiệp dự án và nhà đầu tư.

g) Về thanh tra, kiểm tra, kiểm toán các dự án

Tính đến tháng 5/2019 các dự án do Bộ Giao thông vận tải quản lý đã có 117 lần thanh tra, kiểm toán đối với 63 dự án đang vận hành khai thác và đang triển khai đầu tư. Sau khi kết luận thanh tra, kiểm toán được công bố, Bộ Giao thông vận tải ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, các đơn vị đã tổ chức kiểm điểm, chấn chỉnh và rút kinh nghiệm đối với các tồn tại, sai sót và có biện pháp khắc phục kịp thời.

Năm 2017 Thanh tra Chính phủ trực tiếp tiến hành thanh tra việc chấp hành quy định của pháp luật trong việc thực hiện một số dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BT, BOT trong lĩnh vực giao thông, môi trường tại thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và Bộ giao thông vận tải. Tại các kết luận đã chỉ rõ khuyết điểm, vi phạm và kiến nghị xử lý về kinh tế, trách nhiệm. Thanh tra Chính phủ đã xây dựng, trình và đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt định hướng chương trình thanh tra năm 2019, trong đó có nội dung chỉ đạo thanh tra các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư.

h) Về công tác truyền thông

Bộ Giao thông vận tải đã tổ chức triển khai một số nội dung về công tác truyền thông, ban hành kế hoạch truyền thông triển khai thực hiện Nghị quyết số 83/NQ-CP và đã có văn bản gửi Bộ Thông tin và Truyền thông đề nghị hỗ trợ, đẩy mạnh công tác truyền thông, cung cấp thông tin theo quy định pháp luật về các dự án đầu tư theo hình thức BOT.

Bộ Thông tin và truyền thông thường xuyên phối hợp với Bộ Giao thông vận tải và các cơ quan chức năng cung cấp thông tin cho báo chí để xử lý các điểm nóng phát sinh tại các địa phương.

### **3. Kiến nghị**

UBTVQH thường xuyên quan tâm giám sát việc thực hiện các dự án theo hình thức đối tác công tư theo Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, giải quyết những vấn đề vượt thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Giao Chính phủ tiếp tục chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật về đầu tư theo hình thức đối tác công tư, trong đó trình Quốc hội thông qua Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư vào kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa 14.

Giao Chính phủ giải quyết dứt điểm những tồn tại của các công trình giao thông đầu tư theo hình thức hợp đồng BOT đã và đang triển khai.

## **III. LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

### **1. Về việc thực hiện Nghị quyết số 459/NQ-UBTVQH14**

a) Kết quả triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp

- Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 930/QĐ-TTg ngày 28/7/2018 phê duyệt Đề án tuyên truyền bảo vệ chủ quyền và phát triển bền vững biển, đảo Việt Nam giai đoạn 2018-2020. Các Bộ, ngành đã chủ động, tích cực phối hợp với Ban Tuyên giáo trung ương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền về Nghị quyết và tình hình thực hiện Nghị quyết; tăng cường các hoạt động của chuyên trang, chuyên mục về nông nghiệp, thủy sản và phòng, chống, giảm nhẹ thiên tai, hiểm họa phục vụ cộng đồng; đồng thời đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, phổ biến cơ chế, chính sách, các cách làm hay, mô hình hiệu quả, các tập thể, cá nhân tiêu biểu trong khai thác, nuôi trồng và chế biến hải sản, tình hình liên quan đến chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán của Việt Nam ở Biển Đông; giám sát thông tin trên báo chí, các trang mạng, phát hiện kịp thời những sơ hở trong công tác thông tin tuyên truyền về biển đảo.

- Trong năm 2018, Chính phủ đã tổ chức tổng kết 10 năm triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 4-khoá X về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020; Hệ thống chính sách, pháp luật, bộ máy quản lý nhà nước về biển, đảo từng bước được hoàn thiện và phát huy hiệu lực, hiệu quả. Quốc hội đã thông qua các Luật Biển Việt Nam (năm 2012), Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo (năm 2015), Bộ luật Hàng hải Việt Nam (năm 2015), Luật Thủy sản (sửa đổi, bổ sung năm 2017), cùng nhiều luật của các ngành, lĩnh vực có nội dung liên quan đến biển, đảo. Chính phủ cũng đã ban hành hơn 10 Nghị định, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành hơn 100 Quyết định về quản lý nhà nước, thực hiện các chủ trương chính sách, chiến lược, quy hoạch, chương trình phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh biển, đảo.

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về khai thác, nuôi trồng, chế biến hải sản gắn với bảo đảm quốc phòng an ninh. Chính phủ đã ban hành 06 Nghị định, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt 02 Đề án và đang chỉ đạo xây dựng "Chiến lược phát triển nuôi biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn 2050".

- Tiếp tục đẩy mạnh triển khai chính sách đầu tư, tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn và thủy sản; Triển khai Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản.

- Đầu tư ngân sách cho chương trình, dự án phòng chống giảm nhẹ thiên tai trên biển, ven biển và xây dựng Trung tâm nghề cá lớn, cơ sở dịch vụ hậu cần nghề cá gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh.

- Bố trí lực lượng, quan hệ phối hợp và chế độ chính sách đối với các lực lượng trên biển; chính sách thu hút nhân dân ra định cư làm ăn lâu dài trên đảo (Hải quân, Cảnh sát Biển, Bội đội Biên phòng).

- Ngăn chặn, giảm thiểu và loại bỏ khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ trong khai thác, nuôi trồng, chế biến hải sản.

- Thúc đẩy hợp tác quốc tế và công tác bảo hộ ngư dân.

b) Tồn tại, hạn chế:

Công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật chưa đồng bộ giữa Trung ương và địa phương; Sự phối hợp giữa các ban, ngành, đoàn thể với cơ quan quân sự địa phương chưa thường xuyên, chưa chặt chẽ; Cơ sở hạ tầng phục vụ ngành thủy sản chưa đáp ứng được với đà phát triển của nghề khai thác, đặc biệt là các công trình cảng cá có tính lưỡng dụng; Tàu cá và ngư dân Việt Nam vi phạm vùng biển các nước trong khu vực ASEAN đã giảm nhưng chưa hoàn toàn chấm dứt do vùng biển giáp ranh giữa Việt Nam và các nước còn tồn tại các khu vực chồng lấn, vùng nước lịch sử chưa được phân định.

c) Nguyên nhân:

Nguyên nhân chủ quan: Nhận thức của một số cấp ủy, chính quyền, cán bộ, lãnh đạo quản lý chưa đầy đủ, chưa quan tâm đúng mức đến kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trong phát triển kinh tế biển; Sự phối kết hợp giữa các cơ quan hành chính với người dân và lực lượng vũ trang chưa thường xuyên, chặt chẽ; Nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước bố trí đầu tư phát triển ngành còn thấp, chưa huy động được nhiều nguồn lực ngoài ngân sách.

Nguyên nhân khách quan: Thời tiết, khí hậu trên biển biến đổi khó lường, khó dự báo; Sự thay đổi chiến lược của các nước lớn, tranh chấp vùng biển giữa các quốc gia trong khu vực; tình hình Biển Đông có nhiều diễn biến phức tạp; Đời sống của dân cư nghề cá vẫn còn nghèo, trình độ văn hóa thấp, còn chịu nhiều rủi ro.

## **2. Giải pháp**

a) Công tác tuyên truyền

Tiếp tục tăng cường tuyên truyền, tập huấn cho nhân dân các tỉnh, thành phố ven biển và số ngư dân hoạt động trên biển, đặc biệt là tuyên truyền chống khai thác hải sản bất hợp pháp; Chủ động cung cấp thông tin cho về các chương trình, dự án, mô hình hay, cách làm hiệu quả trong khai thác, nuôi trồng, chế biến hải sản trong phát triển kinh tế biển gắn với quốc phòng, an



ninh của ngành; địa phương mình; Xây dựng các chuyên trang, chuyên mục, chương trình phát thanh, truyền hình chuyên đề về thực hiện các chính sách, pháp luật trong khai thác, nuôi trồng, chế biến hải sản để nâng cao hiệu quả thông tin, tuyên truyền đến người dân.

#### b) Về cơ chế chính sách

- Chính phủ sẽ ban hành kế hoạch tổng thể và kế hoạch 5 năm để cụ thể hoá các quan điểm, mục tiêu và định hướng chiến lược của Nghị quyết số 36-NQ/TW Hội nghị lần thứ 8 BCHTW khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Trên cơ sở Nghị quyết của Chính phủ, các Bộ ngành và địa phương liên quan sẽ xây dựng kế hoạch hành động cụ thể của từng ngành, địa phương để sớm đưa Nghị quyết vào cuộc sống.

- Xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp với điều kiện hiện nay nhằm khai thác tiềm năng và các lợi thế về biển, đồng thời tăng cường bảo vệ chủ quyền biển, đảo, tạo nên sự gắn kết chặt chẽ hoạt động của các lĩnh vực kinh tế biển với quốc phòng - an ninh.

- Đẩy mạnh việc kiểm tra, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch, quy hoạch, dự án trong từng lĩnh vực, bảo đảm vừa phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, vừa tăng cường quốc phòng - an ninh.

- Tăng ngân sách nhà nước đầu tư cho các lĩnh vực thủy sản, đặc biệt là giống, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, chuyên giao công nghệ mới vào sản xuất, xây dựng hạ tầng nghề cá, đào tạo nghề, xây dựng hệ thống thông tin liên lạc, điều tra, bảo vệ và tái tạo nguồn lợi, dự báo ngư trường, dịch vụ hậu cần trên biển đảo... khuyến khích tổ chức, cá nhân phát triển khai thác thủy sản xa bờ, viễn dương, nuôi biển đảo.

#### c) Tổ chức thực hiện

- Tập trung chỉ đạo kết hợp trong xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố; các dự án trọng điểm quốc gia; các chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng biên giới, biển, đảo; xây dựng các khu kinh tế - quốc phòng, quốc phòng - kinh tế; xây dựng căn cứ chiến lược, hậu phương chiến lược, công trình quốc phòng; đầu tư phát triển khoa học công nghệ ở trình độ cao.

- Xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp với điều kiện hiện nay nhằm khai thác tiềm năng và các lợi thế về biển, đồng thời tăng cường bảo vệ chủ quyền biển, đảo.

- Tiếp tục tăng cường xây dựng lực lượng thực thi pháp luật theo hướng hiện đại, đồng bộ, không ngừng củng cố, tăng cường thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân khu vực biển.

- Tiếp tục hoàn thiện các văn bản, chính sách pháp luật về đầu tư trong lĩnh vực thủy sản.

- Tập trung chỉ đạo triển khai có hiệu quả Đề án phát triển nghề khai thác viễn dương và tổ chức đưa đưa doanh nghiệp và ngư dân đi hợp tác khai

thác, thu mua, sơ chế, chế biến, tiêu thụ sản phẩm, nuôi trồng thủy sản với một số nước, thúc đẩy hội nhập và phát triển hợp tác quốc tế.

### **3. Kiến nghị**

a) Đối với Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội

- Tăng cường giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 459/NQ-UBTVQH14 ngày 12/12/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiếp tục nâng cao hiệu quả việc thực hiện chính sách, pháp luật đối với cá nhân, tổ chức khai thác, nuôi trồng, chế biến hải sản trong phát triển kinh tế biển gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh.

- Tiếp tục thực hiện quyền giám sát tối cao đối với các dự án, nhiệm vụ liên quan đến quốc phòng, an ninh trong các lĩnh vực.

- Tiếp tục ưu tiên các nguồn lực để thực hiện các chính sách hỗ trợ đối với cá nhân, tổ chức khai thác, nuôi trồng, chế biến hải sản trong phát triển kinh tế biển gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh; tập trung ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước, vốn tín dụng nhà nước cho đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu của cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão, hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản; xây dựng các trung tâm nghề cá lớn gắn với ngư trường trọng điểm.

b) Đề nghị Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phối hợp giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 459/NQ-UBTVQH14, tham gia tuyên truyền và phối hợp vận động các tầng lớp nhân dân tham gia xây dựng, tuân thủ pháp luật và thực hiện tốt pháp luật và chính sách của nhà nước trong triển khai Nghị quyết 459 tại địa phương.

c) Đối với Ủy ban nhân dân các cấp

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền về phát triển kinh tế biển gắn với bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo, quan tâm kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng - an ninh trong mọi hoạt động.

- Tập trung triển khai đồng bộ, có hiệu quả các chính sách hỗ trợ, phát triển thủy sản;

- Tăng cường huy động nguồn lực từ các doanh nghiệp, các tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học, đổi mới công nghệ, chuyển giao công nghệ trong khai thác, nuôi trồng, chế biến hải sản.

## **IV. VỀ QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG NGUỒN VỐN VAY NƯỚC NGOÀI**

### **1. Về thực hiện Nghị quyết số 582/NQ-UBTVQH14**

Trên cơ sở Nghị quyết số 582/NQ-UBTVQH14 ngày 05/10/2018 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 30/01/2019 về một số nhiệm vụ giải pháp tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý và sử dụng nguồn vốn vay nước ngoài. Các Bộ, ngành và địa phương đã tích cực triển khai thực hiện các nhiệm vụ được phân công, tổ chức quán triệt và cụ thể hóa thông qua việc xây dựng kế hoạch trong đó xác định rõ các hoạt động và thời hạn hoàn thành.

a) Kết quả đạt được:

Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ đã ban hành các chỉ thị, nghị quyết và quyết định, điển hình là Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019, chỉ đạo việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm, quy mô lớn, có tác động lan toả sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi. Các Bộ, ngành và địa phương đã tiến hành việc rà soát, hoàn thiện và thực hiện chính sách, pháp luật, triển khai xây dựng chiến lược huy động và sử dụng nguồn vốn ODA và vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài.

Công tác quản lý và sử dụng nguồn vốn vay nước ngoài đã đạt được các kết quả đáng khích lệ: Hiệu quả các chương trình, dự án đã được nâng cao, các chỉ tiêu nợ công năm 2018 thấp hơn mức dự kiến tại Nghị quyết 01/NQ-CP và báo cáo của Chính phủ trước Quốc hội (số 46/BC-CP ngày 19/10/2018). Các mức dư nợ đều thấp hơn quy định trong kế hoạch tài chính quốc gia 5 năm giai đoạn 2016 - 2020. Quy mô danh mục nợ chính phủ đến cuối năm 2018 được kiểm soát tốt ở mức 50% GDP (so với mức 52,7% vào năm 2016; 51,7% vào năm 2017), trong đó nợ nước ngoài chiếm 38,6%, nợ trong nước chiếm 61,4%.

b) Tồn tại, hạn chế:

Tỷ lệ giải ngân còn thấp so với kế hoạch giao. Một số dự án đã ký kết song chưa được các Bộ, ngành tổng hợp báo cáo cơ quan có thẩm quyền đưa vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn, ảnh hưởng đến tiến độ triển khai và giải ngân cam kết với nhà tài trợ; chất lượng chuẩn bị dự án chưa đạt yêu cầu, quá trình thực hiện dự án chậm tiến độ làm tăng tổng mức đầu tư và chi phí, công tác giải phóng mặt bằng, bố trí vốn đối ứng không đầy đủ và kịp thời. Một số dự án vay về cho vay lại có khó khăn trong việc trả nợ.

c) Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế:

Việc huy động vốn phụ thuộc vào việc xác định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016 - 2020, khả năng vay và trả nợ của các chính quyền địa phương và chính sách, điều kiện vay của nhà tài trợ; Một số văn bản pháp luật chưa nhất quán; Khác biệt về quy trình, thủ tục và chính sách của Việt Nam và nhà tài trợ về đấu thầu, giải phóng mặt bằng và tái định cư, thủ tục giải ngân rút vốn,...; Công tác quy hoạch, kế hoạch đầu tư, xây dựng văn kiện dự án, tổ chức thực hiện ở các Bộ, ngành, địa phương làm chưa tốt; Quy định về giải ngân song song cả nguồn vốn ngân sách trung ương cấp phát và vốn nước ngoài địa phương vay lại theo cơ chế tài chính trong nước đã ảnh hưởng đến khả năng giải ngân vốn nước ngoài của dự án; Cơ chế quản lý và phân bổ vốn chưa rõ ràng, cụ thể nên các chương trình, dự án gặp khó khăn trong quá trình thực hiện.

## 2. Giải pháp

Rà soát lại hệ thống pháp luật và tình hình thực hiện về nguồn vốn vay nước ngoài. Xây dựng chiến lược huy động vốn vay nước ngoài phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016 - 2020 đối với nguồn vốn nước ngoài. Huy động, quản lý

và sử dụng hiệu quả nguồn vốn vay nước ngoài. Đẩy mạnh công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán

### **3. Kế hoạch thực hiện**

Tiếp tục hoàn thiện thể chế về thu hút, quản lý và sử dụng nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi; đẩy mạnh hài hòa quy trình, thủ tục giữa Việt Nam và nhà tài trợ, hoàn thiện khung khổ pháp lý theo hướng tiếp cận tới các chuẩn mực quốc tế.

Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật sau khi Luật Đầu tư công (sửa đổi) được Quốc hội thông qua, bao gồm thay thế Nghị định số 132/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

Thực hiện Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 29/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài trong tình hình mới cho chi đầu tư phát triển, không sử dụng cho chi thường xuyên.

Thực hiện Thông báo kết luận cuộc họp Ban Chỉ đạo quốc gia về ODA và vốn vay ưu đãi và Nhóm 6 Ngân hàng Phát triển tại văn bản số 219/TB-CP ngày 25/6/2019 của Văn phòng Chính phủ.

Xây dựng Khung quan hệ đối tác phát triển giai đoạn 2021 - 2025 tầm nhìn 2030 phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2021 - 2030) và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2021 - 2025).

Tiếp tục rà soát, xác định nhu cầu vay vốn nước ngoài của các Bộ, ngành và địa phương.

Thường xuyên giám sát hạn mức vay ODA và vay ưu đãi cho đầu tư phát triển cho giai đoạn trung hạn 2016 - 2020 theo Nghị quyết của Quốc hội; kịp thời đánh giá những rủi ro có thể ảnh hưởng làm tăng hạn mức và ảnh hưởng đến cân đối ngân sách nhà nước trong trung hạn.

Tổ chức đánh giá Luật Quản lý nợ công sau 01 năm thực hiện để chủ động xử lý các tồn tại, vướng mắc.

Điều hành việc huy động, quản lý, sử dụng nguồn lực ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài theo hướng cân đối giữa vốn vay nước ngoài với vốn vay trong nước một cách hợp lý, hiệu quả và đảm bảo lợi ích quốc gia trong cả ngắn hạn và dài hạn, các chỉ tiêu an toàn nợ công đã được Quốc hội quyết định, nhất là nợ nước ngoài của Chính phủ.

## **V. LĨNH VỰC LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

### **1. Về thực hiện Thông báo số 607/TB-TTKQH ngày 08/5/2017 của Tổng Thư ký Quốc hội**

#### **a) Về thực hiện chính sách đối với người có công**

Phát huy cơ chế phối hợp liên ngành, sự phối hợp chặt chẽ của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và các tổ chức chính trị - xã hội có liên quan, tập trung chỉ đạo để hoàn thành căn bản việc giải quyết hồ sơ tồn đọng xác nhận liệt sĩ,

thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, ưu tiên giải quyết cho người đã cao tuổi, sức khỏe yếu, tiến tới hoàn thành sớm việc giải quyết toàn bộ hồ sơ tồn đọng

Khẩn trương nghiên cứu sửa đổi quy định pháp luật có liên quan, thay thế những thủ tục không phù hợp. Trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, phê duyệt Đề án cải cách chính sách người có công phù hợp với tình hình mới; tiếp tục nghiên cứu toàn diện để trình cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng vào năm 2018

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra; phát huy vai trò của cấp ủy, sự tham gia của các đoàn thể, đặc biệt là Mặt trận Tổ quốc, Hội cựu chiến binh và Hội cựu thanh niên xung phong trong việc phát hiện, xử lý nghiêm những trường hợp tiêu cực, tham nhũng, lợi dụng chính sách ưu đãi người có công, đảm bảo người có công phải được hưởng chế độ, người lợi dụng chính sách người có công để hưởng lợi phải bị xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật, tạo sự đồng thuận của người có công và nhân dân

Chính phủ sớm bố trí bổ sung nguồn kinh phí để tiếp tục hỗ trợ về nhà ở đối với người có công với cách mạng theo kế hoạch đã đề ra.

Về tăng cường tuyên truyền, giáo dục; triển khai các hoạt động thiết thực nhất là việc tu bổ các nghĩa trang liệt sĩ; kịp thời thăm hỏi động viên gia đình thương binh, liệt sĩ và tổ chức trọng thể Lễ Kỷ niệm 70 năm ngày Thương binh - Liệt sĩ:

#### b) Về công tác giáo dục nghề nghiệp

Công tác rà soát, quy hoạch lại mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã được hoàn thành trong năm 2017 để định hướng phát triển nguồn nhân lực đảm bảo phù hợp cho giai đoạn tới.

Tiếp tục triển khai các giải pháp thiết thực để nâng cao chất lượng đào tạo nghề, gắn việc đào tạo với đáp ứng nhu cầu thị trường lao động.

Tăng cường công tác dự báo thị trường lao động, nâng cao hiệu quả công tác phân luồng học sinh sau trung học cơ sở, trung học phổ thông; đẩy mạnh phát triển thị trường lao động trong nước. Đổi mới mô hình đào tạo nghề, hướng đến phát triển việc làm bền vững; nâng cao hiệu quả kết nối giữa doanh nghiệp, người sử dụng lao động với cơ sở đào tạo và người lao động.

Tăng cường công tác dự báo thị trường lao động, nâng cao hiệu quả công tác phân luồng học sinh sau trung học cơ sở, trung học phổ thông; đẩy mạnh phát triển thị trường lao động trong nước.

Đổi mới mô hình đào tạo nghề, hướng đến phát triển việc làm bền vững.

Nâng cao hiệu quả kết nối giữa doanh nghiệp, người sử dụng lao động với cơ sở đào tạo và người lao động.

Nghiên cứu thí điểm cho nhóm lao động là bộ đội, công an xuất ngũ được lựa chọn tham gia đào tạo nghề như hiện nay hoặc có thể được sử dụng chính nguồn hỗ trợ này để tự tạo việc làm hoặc sản xuất kinh doanh

Kiến toàn, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của hệ thống Trung tâm dịch vụ việc làm (nhất là đối với các Trung tâm vùng, khu vực); đổi mới cơ chế tài chính hoạt động theo cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; gắn khoán chi phí bảo hiểm thất nghiệp với hiệu quả, kết quả quay trở lại làm việc với đối tượng hưởng bảo hiểm thất nghiệp

Kiến toàn, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của hệ thống Trung tâm dịch vụ việc làm (nhất là đối với các Trung tâm vùng, khu vực); gắn khoán chi phí bảo hiểm thất nghiệp với hiệu quả, kết quả quay trở lại làm việc với đối tượng hưởng bảo hiểm thất nghiệp:

- Đổi mới cơ chế tài chính hoạt động theo cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập

- Bộ LĐTBXH phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban Dân tộc và cơ quan hữu quan tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong việc thực hiện chính sách đào tạo nghề cho lao động nông thôn, bộ đội xuất ngũ, công an xuất ngũ và đồng bào dân tộc thiểu số để đảm bảo việc thực hiện hiệu quả, gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo và giải quyết việc làm; tích cực khắc phục tình trạng người được đào tạo nghề không tìm được việc làm phù hợp ngành nghề đào tạo, gây lãng phí nguồn lực xã hội

#### c) Về việc chuyển đổi, quản lý các cơ sở cai nghiện

Tiếp tục chỉ đạo đổi mới có hiệu quả công tác cai nghiện, đẩy mạnh chuyển đổi các cơ sở cai nghiện, nâng cao chất lượng dịch vụ cai nghiện theo hướng thân thiện

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với Bộ Công an khẩn trương nghiên cứu, hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về khuyến khích cai nghiện tự nguyện; hỗ trợ người sau cai nghiện; thu hút các nguồn lực xã hội tham gia công tác cai nghiện; đổi mới cách thức quản lý, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm việc tại các cơ sở cai nghiện; nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung những quy định có liên quan để hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật lĩnh vực này

## **2. Giải pháp, kiến nghị**

### a) Về lĩnh vực người có công

Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chỉ thị số 14-CT/TW ngày 19/7/2017 của Ban Bí thư về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác người có công với cách mạng. Thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách đã ban hành cho đối tượng người có công; tiếp tục rà soát, giải quyết hiệu quả chính sách hỗ trợ người có công, bảo đảm công khai, minh bạch, kịp thời chấn chỉnh, xử lý nghiêm các sai phạm.

Tiếp tục rà soát, giải quyết hồ sơ người có công tồn đọng, quy trình thực hiện đảm bảo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng, đề cao sự giám sát của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân tại địa phương.

Thực hiện hiệu quả công tác xác định hài cốt liệt sỹ còn thiếu thông tin; vận hành tốt Công thông tin điện tử về liệt sỹ, mộ liệt sỹ và nghĩa trang liệt sỹ,

tăng cường thông tin, tuyên truyền về công tác tìm mộ liệt sĩ đảm bảo cơ sở khoa học chặt chẽ, có tính xác thực cao.

Rà soát, tu bổ, tôn tạo, nâng cấp các công trình ghi công liệt sỹ đã xuống cấp. Đẩy mạnh các phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, “Uống nước nhớ nguồn”, “xã, phường làm tốt công tác thương binh, liệt sỹ, người có công”.

b) Về giáo dục nghề nghiệp

Khẩn trương xây dựng Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Nêu cao trách nhiệm của người đứng đầu từng địa phương, đưa nhiệm vụ giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh phổ thông vào chủ trương, kế hoạch chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương.

c) Về chuyên đổi, quản lý các cơ sở cai nghiện ma túy

Tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của các cấp ủy, đảng, chính quyền về người nghiện ma túy và cai nghiện ma túy;

Đẩy nhanh tiến độ sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật (Luật Phòng chống ma túy và Luật xử lý vi phạm hành chính) để phù hợp với quan điểm của Đề án đổi mới công tác cai nghiện theo Quyết định số 2596/QĐ-TTg;

Đề nghị cấp ủy, chính quyền các địa phương quan tâm bố trí kinh phí cho công tác cai nghiện tại gia đình, cộng đồng; tổ chức đào tạo, nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ làm công tác cai nghiện ma túy;

Ban hành cơ chế chính sách đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa công tác cai nghiện, tăng cường công tác cai nghiện tự nguyện;

Nghiên cứu ban hành quy chế quản lý người nghiện trong cơ sở cai nghiện theo hướng thân thiện và thực hiện quyền công dân.

## **VI. LĨNH VỰC THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**

### **1. Về thực hiện Thông báo số 607/TB-TTKQH ngày 08/5/2017 của Tổng Thư ký Quốc hội**

a) Về an toàn thông tin mạng

- Đã ban hành quy định chi tiết, hoàn thiện hành lang pháp lý về an toàn thông tin, hoàn thiện các hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn thông tin. Tiếp tục đẩy mạnh công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực an toàn thông tin cả về số lượng và chất lượng

- Trong năm 2017, đã hoàn thành việc xây dựng cơ chế phối hợp về các biện pháp đảm bảo an toàn thông tin mạng, xác định phạm vi, trách nhiệm cụ thể, rõ ràng giữa các Bộ, ngành về quản lý thông tin. Tăng cường hỗ trợ công tác giám sát an toàn thông tin mạng, các dịch vụ công trực tuyến ở các bộ, ngành trung ương và địa phương. Đẩy mạnh công tác kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin mạng trong cơ quan nhà nước và các tập đoàn, tổng công ty lớn; Tích cực tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức, trách nhiệm bảo đảm an

toàn thông tin mạng trong các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và toàn thể cộng đồng xã hội.

Bộ Thông tin và Truyền thông triển khai xây dựng Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia và đã chính thức đưa vào hoạt động; Chủ động phát hiện và theo dõi nguồn phát tán thông tin trên mạng Internet; Thường xuyên tổ chức các chương trình, xây dựng tài liệu để tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức và kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin cho các cơ quan nhà nước và toàn thể cộng đồng.

- Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo và yêu cầu người đứng đầu các cơ quan nhà nước phải chịu trách nhiệm nếu để xảy ra mất an toàn, an ninh mạng. Chính phủ đang chỉ đạo tiếp tục đẩy mạnh hoạt động của Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia; thường xuyên nâng cấp, cải tiến Hệ thống giám sát an toàn, an ninh mạng đã xây dựng trong năm 2018; thành lập bộ phận chuyên trách sử dụng Hệ thống để theo dõi sát các thông tin có chiều hướng lan tỏa mạnh trên không gian mạng... nhằm phát hiện kịp thời các xu hướng thông tin tiêu cực, trái chiều báo cáo cấp có thẩm quyền để xem xét, chỉ đạo xử lý.

b) Về việc xử lý các cá nhân, tổ chức đăng tải thông tin xuyên tạc, sai sự thật trên các trang thông tin điện tử, trang mạng xã hội

Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Thông tin và Truyền thông tích cực, chủ động xây dựng đề trình Chính phủ xem xét, ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 174/2013/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin và tần số vô tuyến điện và Nghị định số 159/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí xuất bản và Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, dự kiến xem xét, ban hành trong Quý IV năm 2019.

Chính phủ thường xuyên chỉ đạo các cơ quan báo chí thông tin chính xác, kịp thời, đảm bảo tính tích cực, có tính định hướng dư luận xã hội cao, cân đối liều lượng thông tin về dấu hiệu tiêu cực, mặt trái của xã hội, kịp thời cung cấp thông tin và chỉ đạo báo chí tham gia tích cực vào công tác đấu tranh với các luận điệu sai trái, vu cáo, xuyên tạc của các thế lực thù địch, phản động, đặc biệt là các vụ việc liên quan đến tôn giáo, dân chủ, nhân quyền.

Xử lý nghiêm các cơ quan báo chí không thực hiện đúng tôn chỉ mục đích, xử lý nghiêm nhiều vụ việc báo chí thông tin sai sự thật, xúc phạm uy tín của tổ chức, uy tín danh dự của cá nhân... góp phần chấn chỉnh, ngăn chặn những tiêu cực trong hoạt động báo chí

Thủ tướng Chính phủ tiếp tục chỉ đạo các cơ quan chuyên môn đẩy mạnh việc trao đổi, yêu cầu Facebook, Google hợp tác ngăn chặn, gỡ bỏ các thông tin sai sự thật, trái với quan điểm, chủ trương của Đảng, Nhà nước và các giải pháp chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; thiết lập đầu mối và cơ chế hợp tác dành riêng với Việt Nam để trao đổi về các vấn đề còn tồn tại.



- Tăng cường tuyên truyền, nâng cao ý thức, trách nhiệm cho người sử dụng trong việc nhận biết các thông tin giả mạo sai sự thật; các quy định của pháp luật có liên quan thông qua các cuộc giao ban báo chí định kỳ hàng tuần, tăng cường kiểm tra, rà soát nội dung thông tin trên các trang thông tin điện tử và mạng xã hội để có biện pháp xử lý kịp thời

#### **Khó khăn, tồn tại:**

Các nội dung vi phạm trên mạng hiện nay chủ yếu là các web có tên miền quốc tế, đặt máy chủ ở nước ngoài, cung cấp xuyên biên giới vào Việt Nam, gây khó khăn cho công tác quản lý, xử lý vi phạm.

Việc đấu tranh với Facebook và Google để yêu cầu xử lý các Fanpage, tài khoản, kênh, video của các tổ chức phản động, nhân vật bất đồng chính kiến, phần tử cơ hội còn gặp nhiều khó khăn.

Việc giám sát và tìm cách ngăn chặn các nguồn tiền để chi trả cho các dịch vụ vi phạm pháp luật qua hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam còn gặp nhiều khó khăn do các quy định điều chỉnh các hoạt động này còn thiếu.

c) Về kiểm duyệt chương trình, nội dung quảng cáo trên các phương tiện thông tin đại chúng

Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra; Xây dựng cơ chế phối hợp với các Hội, Hiệp hội, nhất là hiệp hội bảo vệ người tiêu dùng, các cơ quan thông tấn, báo chí, truyền thông trong việc bảo đảm chất lượng hàng hóa khi quảng cáo và thực hiện nghiêm pháp luật về quảng cáo.

Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo tổ chức các đoàn kiểm tra liên ngành kiểm tra các công ty truyền thông, quảng cáo lớn trong nước nhằm chấn chỉnh hoạt động quảng cáo trong lĩnh vực phát thanh, truyền hình và trên môi trường mạng, nhất là hoạt động quảng cáo trên các trang mạng nước ngoài cung cấp xuyên biên giới vào Việt Nam như Facebook và Google nhằm thực hiện nghiêm Chỉ thị số 17/CT-TTg về việc tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, chấn chỉnh hoạt động quảng cáo.

Hiện nay, hoạt động quảng cáo đang có sự tham gia quản lý của nhiều bộ, ngành, nên đã tạo ra nhiều kẽ hở trong việc thẩm định hồ sơ quảng cáo. Cơ quan quản lý nhà nước về quảng cáo là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, nhưng hầu hết những vấn đề chủ yếu trong quảng cáo và phương thức quảng cáo (báo, tạp chí, phát thanh, truyền hình, báo điện tử, trang thông tin điện tử, xuất bản phẩm, mạng viễn thông di động, mạng Internet) là do Bộ Thông tin và Truyền thông quản lý. Đây là vấn đề cần xem xét điều chỉnh trong thời gian tới.

Hiện nay không có quy định về thời lượng quảng cáo trên kênh truyền hình nước ngoài cung cấp trên dịch vụ truyền hình trả tiền. Để đảm bảo sự bình đẳng giữa các đơn vị trong và ngoài nước, cần quy định rõ về quảng cáo trên kênh nước ngoài như đối với kênh truyền hình trả tiền trong nước cho phù hợp; đồng thời xây dựng chính sách bảo đảm kiểm soát quảng cáo xuyên biên

giới, tăng cường biện pháp kỹ thuật để ngăn chặn quảng cáo có nội dung vi phạm pháp luật Việt Nam.

## **2. Giải pháp, kiến nghị**

Hoàn thiện hành lang pháp lý để hỗ trợ hoạt động báo chí trong điều kiện báo chí hội tụ và truyền thông đa phương tiện đang phát triển mạnh mẽ như: Kịp thời sửa đổi, bổ sung Luật Báo chí, Luật Quảng cáo và các văn bản hướng dẫn.

Tăng cường chỉ đạo, định hướng, theo dõi chặt chẽ, thường xuyên đánh giá tôn chỉ, mục đích và xử lý vi phạm theo quy định, nâng cao trách nhiệm cơ quan chủ quản, xử lý trách nhiệm người đứng đầu cơ quan báo chí khi để xảy ra vi phạm nhiều lần.

Yêu cầu Facebook và Google có chính sách tiên kiễm và gỡ ngay các quảng cáo chính trị phát tán tin giả khi có yêu cầu từ Chính phủ Việt Nam; Đẩy mạnh hoạt động của Trung tâm giám sát an toàn không gian mạng quốc gia.

Tăng cường phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan quản lý và cơ quan liên quan để xử lý hiệu quả các sai phạm trong hoạt động quảng cáo, nhất là quảng cáo trên mạng. Phối hợp với các doanh nghiệp nước ngoài cung cấp dịch vụ xuyên biên giới vào Việt Nam ngăn chặn, xử lý các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật Việt Nam.

## **VII. LĨNH VỰC XÂY DỰNG, ĐÔ THỊ**

### **1. Về tình hình thực hiện Nghị quyết, Kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về chất vấn và giám sát chuyên đề từ đầu nhiệm kỳ đến hết năm 2018**

a) Công tác hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách về quy hoạch xây dựng và quản lý phát triển đô thị

- Xây dựng hệ thống cơ chế, chính sách:

Luật Quản lý phát triển đô thị đang tiếp tục được hoàn thiện theo ý kiến góp ý của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và ý kiến các Ủy ban của Quốc hội.

Luật Kiến trúc đã được thông qua ngày 13/6/2019 tại Kỳ họp thứ 7 Quốc hội XIV; Bộ Xây dựng đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ để ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Luật Kiến trúc.

Ngay sau khi Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 có hiệu lực, công tác quản lý phát triển đô thị và thành lập đơn vị hành chính đô thị đã dần được chấn chỉnh, hạn chế được việc mở rộng đơn vị hành chính.

Xây dựng Nghị định sửa đổi bổ sung Nghị định số 11/2013/NĐ-CP về Quản lý phát triển đô thị

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung các định hướng, chiến lược, chương trình, kế hoạch về phát triển đô thị

Điều chỉnh Định hướng quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị Việt Nam (Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 07/4/2009)

Điều chỉnh Định hướng phát triển cấp nước đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 2502/QĐ-TTg ngày 22/12/2016)

Điều chỉnh Định hướng phát triển thoát nước đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 589/QĐ-TTg ngày 06/4/2016)

Từ đầu năm 2019, Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Xây dựng nghiên cứu xây dựng Chiến lược phát triển đô thị quốc gia để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, phát triển hệ thống đô thị có trọng tâm, trọng điểm và khẳng định vai trò thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của khu vực đô thị.

Chương trình phát triển đô thị quốc gia; Chương trình nâng cấp đô thị quốc gia giai đoạn từ năm 2009 đến năm 2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050 đã được điều chỉnh.

- Triển khai các đề án, dự án cấp quốc gia về phát triển đô thị, hạ tầng kỹ thuật: Đề án phát triển các đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2013 – 2020; Kế hoạch phát triển đô thị tăng trưởng xanh Việt Nam đến năm 2030; Đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018 – 2025 và định hướng đến 2030; Đề án “Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý xây dựng và phát triển đô thị đối với công chức lãnh đạo, công chức chuyên môn đô thị các cấp giai đoạn 2010 – 2015”

- Triển khai công tác quy hoạch xây dựng và quy hoạch hạ tầng kỹ thuật bao gồm: quy hoạch xây dựng, quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù (nay là khu chức năng), quy hoạch xây dựng nông thôn, quy chế quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị, quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật vùng liên tỉnh, quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật đô thị.

- Về công tác quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực Xây dựng:

Thời gian qua, Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Xây dựng tăng cường hướng dẫn các địa phương trong công tác quy hoạch, quản lý phát triển đô thị. Bộ Xây dựng đã phối hợp với UBND thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức rà soát các quy hoạch liên quan đến công tác quản lý đô thị, đặc biệt là tại các thành phố lớn; tổ chức 03 đoàn kiểm tra công tác lập, quản lý và thực hiện quy hoạch đô thị, cấp phép xây dựng tại các khu đô thị mới, khu chung cư cao tầng tại 11 địa phương.

Bộ Xây dựng đã tham mưu để Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 15/3/2019 về việc tăng cường chấn chỉnh công tác quy hoạch xây dựng, quản lý phát triển đô thị theo quy hoạch được duyệt.

- Đánh giá những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

Công tác quản lý dữ liệu liên quan đến phát triển đô thị còn phân tán ở nhiều cấp, ngành khác nhau, Một số văn bản QPPL còn mâu thuẫn, chồng chéo dẫn đến còn nhiều ý kiến trái chiều. Việc xây dựng hệ thống các văn bản QPPL cần đổi mới tổng thể để đảm bảo sự thống nhất, hiệu quả cao.

Công tác triển khai thực hiện các đề án ở cấp quốc gia đã đáp ứng được các mục tiêu, yêu cầu nhiệm vụ đã đề ra, tuy nhiên quá trình thực hiện vẫn còn có một số nội dung bị chậm triển khai do chậm được cấp kinh phí, thiếu sự đồng bộ, việc cần đổi, huy động nguồn lực thực hiện nghiên cứu khoa học, dự án thí điểm tại địa phương còn hạn chế

Khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng của hệ thống hạ tầng kỹ thuật còn yếu; Việc triển khai quy hoạch hạ tầng kỹ thuật còn chậm và không đồng bộ với các quy hoạch khác; Nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật còn hạn chế, chủ yếu vẫn dựa vào nguồn ngân sách; Sự tham gia của cộng đồng trong công tác quy hoạch hạ tầng kỹ thuật còn hình thức, tính khả thi chưa cao.

Nguyên nhân: Một số quy định pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn có liên quan chưa phù hợp với thực tiễn quản lý. Cơ chế, chính sách về bồi thường, giải phóng mặt bằng, các chính sách ưu tiên, ưu đãi phát triển hạ tầng kỹ thuật; quy định về đầu tư lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật theo hình thức đối tác công tư chưa cụ thể và hoàn thiện.

b) Công tác rà soát, hoàn chỉnh và áp dụng hệ thống quy chuẩn về quy hoạch xây dựng

- Kết quả đạt được

Hiện nay, quy định pháp luật về xây dựng đã quy định rõ yêu cầu tuân thủ các quy chuẩn xây dựng trong công tác lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng; thẩm định, cấp phép, quản lý xây dựng.

Về công tác rà soát, sửa đổi bổ sung quy chuẩn: Hiện nay QCVN 01:2008, QCVN 14: 2009/BXD đã bộc lộ một số nội dung không còn phù hợp với yêu cầu thực tiễn; vì vậy Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Xây dựng soát xét chỉnh sửa, dự kiến ban hành trong năm 2019, bao gồm cả quy hoạch đô thị và quy hoạch nông thôn.

Việc ban hành Quy chế quản lý kiến trúc công trình cao tầng trong khu vực nội đô của thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh đã đạt hiệu quả nhất định trên cơ sở quy định cụ thể về nguyên tắc quản lý, kiểm soát về quy hoạch kiến trúc đối với các công trình cao tầng trong khu vực nội đô tại những vị trí cụ thể theo quy hoạch chung thành phố đã được phê duyệt.

Bộ Xây dựng đã phối hợp với UBND thành phố Hà Nội và UBND thành phố Hồ Chí Minh tổ chức rà soát các quy hoạch đô thị gắn với đảm bảo giao thông; tăng cường thanh tra, kiểm tra công tác quản lý quy hoạch đô thị, nhất là trong xây dựng các khu đô thị mới, chung cư cao tầng

- Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân:

Về áp dụng quy chuẩn: Một số đề án quy hoạch xây dựng được duyệt

lựa chọn chỉ tiêu đất đơn vị ở cao hơn so với quy định; Một số cơ quan quản lý địa phương cấp chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc chưa phù hợp với quy chuẩn về quy hoạch xây dựng; Một số chỉ tiêu trong quy chuẩn QCVN:01/2008-BXD chưa được cơ quan quản lý quy hoạch kiến trúc chú trọng khi xem xét phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng.

Quy chuẩn QCVN:01/2008-BXD về quy hoạch xây dựng chưa có quy định khống chế về hệ số sử dụng đất nên cơ quan thẩm định thiết kế chưa có cơ sở pháp lý để đánh giá.

Một số loại hình sản phẩm bất động sản mới xuất hiện nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường như nhưng chưa được nghiên cứu đầy đủ, chưa có quy chuẩn để cơ quan chuyên môn về xây dựng đánh giá sự phù hợp quy hoạch trong quá trình thẩm định dự án, thiết kế.

Trong các khu đô thị hiện hữu, việc quy chuẩn quy định cứng về khoảng lùi công trình với tất cả các đường xung quanh và khoảng cách đến ranh giới đất trong một số trường hợp là chưa hợp lý, cần có quy định linh hoạt theo quy hoạch chi tiết, quy chế quản lý kiến trúc khu vực để phù hợp với yêu cầu thực tế.

- Về quản lý, thực hiện theo quy hoạch đô thị:

Một số địa phương chưa thực hiện nghiêm các quy định về tổ chức quản lý và thực hiện quy hoạch theo quy định pháp luật về xây dựng và đô thị, bao gồm: Công bố, công khai quy hoạch; cắm mốc giới theo quy hoạch, ban hành quy định quản lý, quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị và cấp giấy phép quy hoạch.

Tại hầu hết các địa phương, nguồn vốn dành cho việc triển khai thực hiện theo quy hoạch được duyệt còn hạn chế nên việc xây dựng kế hoạch thực hiện sau khi quy hoạch chung được duyệt, việc lập, triển khai cắm mốc giới ngoài thực địa còn rất chậm và chưa đầy đủ (đạt 5-10%), chủ yếu được thực hiện đối với quy hoạch chi tiết của các dự án, do chủ đầu tư tổ chức lập và quản lý.

Việc triển khai thực hiện các quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật đối với thành phố trực thuộc Trung ương còn chậm và thiếu đồng bộ giữa các chuyên ngành, dẫn đến việc đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật khung, hạ tầng kỹ thuật đô thị, hạ tầng xã hội không theo kịp tốc độ phát triển và nhu cầu đầu tư các dự án phát triển đô thị, nhà ở.

Một số khu vực lập, phê duyệt quy hoạch chi tiết khi chưa có quy hoạch phân khu dẫn tới thiếu kết nối hạ tầng kỹ thuật trong và ngoài dự án

Tại một số nơi, công tác điều chỉnh quy hoạch chưa được xem xét, cân đối trên sự phát triển tổng thể toàn thành phố, dẫn tới một số chỉ tiêu không còn phù hợp với quy chuẩn và quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị đã được ban hành, gây phá vỡ các quy hoạch chung, quy hoạch phân khu và các khống chế chung về hạ tầng kỹ thuật.

- Công tác xây dựng danh mục, tiêu chí, lộ trình di dời các đối tượng ra ngoài khu vực nội thành:

Thực hiện Luật Thủ đô, Bộ Xây dựng đã trình Thủ tướng Chính phủ ban

hành Quyết định số 130/QĐ-TTg ngày 23/1/2015 về Biện pháp, lộ trình di dời và việc sử dụng quỹ đất sau khi di dời cơ sở sản xuất công nghiệp, bệnh viện, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các cơ quan đơn vị trong nội thành Hà Nội.

Nguyên nhân hạn chế: Nguồn vốn thực hiện công tác di dời và xây dựng cơ sở mới chưa được bố trí, chưa có phương án huy động nguồn lực xây dựng. Các bộ ngành và thành phố Hà Nội chưa chủ động phối hợp thúc đẩy tiến độ lập quy hoạch và xây dựng các đề án di dời theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ. Các quy hoạch chuyên ngành chưa hoàn thành nên chưa có cơ sở xây dựng danh mục, tiêu chí, lộ trình, biện pháp di dời các cơ sở ra khỏi khu vực nội thành.

- Công tác rà soát, điều chỉnh quy hoạch chung ở các đô thị

Tính đến nay, cả nước có 100% tổng số 830 đô thị đã được lập, phê duyệt quy hoạch chung. Trên địa bàn 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã có tổng số 122 quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật được lập và phê duyệt theo đúng quy định pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển của mỗi địa phương theo từng giai đoạn. Công tác rà soát, điều chỉnh quy hoạch là một yêu cầu khách quan, cần thiết và tất yếu để khắc phục kịp thời những bất cập, tồn tại trong thực tiễn triển khai thực hiện quy hoạch, kịp thời điều chỉnh các dự báo chưa chính xác, những định hướng không còn phù hợp với thực tiễn phát triển.

Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân: Tại một số nơi, công tác điều chỉnh quy hoạch còn chưa được kiểm soát và thực hiện theo đúng quy định.

Các nhiệm vụ, giải pháp đã triển khai thực hiện:

+ Bộ Xây dựng đã phối hợp với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức rà soát các quy hoạch liên quan đến công tác quản lý đô thị, đặc biệt là tại các thành phố lớn. Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 01/3/2019 về việc tăng cường chấn chỉnh công tác quy hoạch xây dựng, quản lý phát triển đô thị theo quy hoạch được duyệt.

+ Bộ Xây dựng phối hợp với các cơ quan liên quan, báo cáo Chính phủ, trình Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018. Theo đó, quy định chặt chẽ hơn về điều kiện điều chỉnh quy hoạch, trình tự tiến hành điều chỉnh quy hoạch để làm rõ hơn vai trò, trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong công tác điều chỉnh quy hoạch đô thị.

+ Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư rà soát các vướng mắc khó khăn trong quá trình điều chỉnh quy hoạch, thực hiện theo Luật Quy hoạch, đề xuất giải pháp để báo cáo Chính phủ.

- Công tác đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính

+ Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, đơn giản hóa điều kiện đầu tư kinh doanh, kiểm tra chuyên ngành.

+ Tăng cường phân cấp ủy quyền cho các địa phương, Bộ ngành về thẩm quyền thẩm định dự án, thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng công trình,

thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề hạng II, hạng III của cá nhân nước ngoài, thẩm quyền công nhận việc phân hạng nhà chung cư, thẩm quyền quyết định phân loại đô thị. Rà soát, phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Xây dựng với các Bộ có liên quan; của các cơ quan chuyên môn về xây dựng với cơ quan chuyên môn khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện

+ Thực hiện cải cách, đơn giản hóa điều kiện đầu tư kinh doanh: Rà soát, đề xuất sửa đổi văn bản quy phạm pháp luật có quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh bảo đảm thống nhất với quy định của Luật Đầu tư, đề xuất đơn giản hóa điều kiện đầu tư kinh doanh theo yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, hoạt động kiểm tra chuyên ngành.

+ Hoàn thành chuẩn hóa và công khai thủ tục hành chính theo Quyết định số 08/QĐ-TTg ngày 06/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ và nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Xây dựng nghiên cứu xây dựng và ban hành Thông tư số 10/2017/TT-BXD ngày 29/9/2017 về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng và hướng dẫn chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy. Theo đó, sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng phải kiểm tra được cắt giảm tối đa từ 64 còn 31 sản phẩm (giảm 52% số lượng sản phẩm), hoàn thành vượt yêu cầu tối thiểu cắt giảm, đơn giản hóa 50% danh mục hàng hóa, sản phẩm và thủ tục kiểm tra chuyên ngành theo Chỉ thị 20/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

+ Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, hệ thống cơ sở dữ liệu.

Tồn tại, hạn chế: Quy định pháp luật thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau, thuộc phạm vi quản lý nhà nước của nhiều Bộ, ngành; Việc phân cấp quản lý trong công tác quản lý đầu tư xây dựng đã được thực hiện nhưng chưa triệt để; Nhân sự làm công tác kiểm soát thủ tục hành chính còn ít, năng lực về kiểm soát thủ tục hành chính còn hạn chế; Việc số hóa tài liệu còn gặp nhiều khó khăn do người dân và doanh nghiệp thiếu thiết bị, kỹ năng để số hóa tài liệu, hồ sơ.

- Công tác chỉ đạo địa phương tăng cường kiểm tra, thanh tra sự tuân thủ quy định pháp luật về quy hoạch, đầu tư xây dựng

Tăng cường thanh tra, kiểm tra sự tuân thủ các quy định pháp luật về quy hoạch, đầu tư xây dựng ở các đô thị của các chủ thể tham gia hoạt động xây dựng.

Chỉ đạo, đôn đốc các địa phương tăng cường công tác, kiểm tra sự tuân thủ các quy định pháp luật về quy hoạch, đầu tư xây dựng ở các đô thị của các chủ thể tham gia hoạt động xây dựng; bảo đảm tỷ lệ xây dựng trái phép giảm dần qua qua từng năm.

Đẩy mạnh hoạt động thanh tra trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng.

Triển khai thực hiện chỉ đạo, kết luận, quyết định xử lý sau thanh tra.

Đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp và năng lực thực hiện nhiệm vụ, công vụ cán bộ thanh tra, nâng cao chất lượng hoạt động của các đoàn thanh tra

### **3. Giải pháp và kiến nghị**

#### **a) Giải pháp**

- Về công tác xây dựng hệ thống cơ chế, chính sách: đề nghị Chính phủ giao các Bộ, ngành chủ động phối hợp thực hiện, rà soát, tổng hợp những nội dung còn chồng chéo, bất cập trong quá trình thực thi các văn bản QPPL.

Bộ Xây dựng tiếp tục hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách về quy hoạch xây dựng và quản lý phát triển đô thị đảm bảo sự đồng bộ thống nhất; Xây dựng kế hoạch thực hiện và nghiên cứu, dự thảo và sớm ban hành các nghị định, thông tư hướng dẫn Luật sau khi được ban hành, trong đó có Luật Kiến trúc; Tiến hành rà soát, tổng kết đánh giá tình hình quản lý đầu tư phát triển đô thị theo Nghị định 11/2013/NĐ-CP để phát hiện những bất cập, vướng mắc, đề xuất những nội dung cần sửa đổi, bổ sung phù hợp với thực tiễn. Tăng cường đôn đốc các địa phương lập Chương trình phát triển đô thị làm cơ sở theo dõi, giám sát, kiểm soát quá trình phát triển hệ thống đô thị toàn quốc. Xây dựng quy chuẩn, tiêu chuẩn, khung hướng dẫn và các quy định cụ thể về: quy hoạch xây dựng, các công trình hạ tầng kỹ thuật, quản lý sử dụng đất trong phát triển đô thị tăng trưởng xanh, thông minh...

Các địa phương thường xuyên rà soát những tồn tại, hạn chế, khó khăn, bất cập trong quá trình áp dụng văn bản QPPL và các quy định có liên quan đến quy hoạch, quản lý đầu tư phát triển đô thị, triển khai các dự án phát triển đô thị. Chủ động báo cáo Bộ Xây dựng và các Bộ ngành liên quan về những tồn tại, hạn chế, khó khăn bất cập và kiến nghị hàng năm để tổng hợp, báo cáo Chính phủ, đề xuất giải pháp tháo gỡ.

- Công tác quy chuẩn, tiêu chuẩn

Bộ Xây dựng tiếp tục rà soát, sửa đổi quy chuẩn QCVN:01/2008-BXD về quy hoạch xây dựng, các vấn đề vướng mắc, bất cập trong quy định đang được xem xét sửa đổi để đáp ứng với nhu cầu thực tế.

Nghiên cứu, xây dựng Đề án “Đổi mới toàn diện phương pháp lập quy hoạch, quản lý phát triển đô thị”.

- Công tác xây dựng danh mục, tiêu chí, lộ trình di dời các đối tượng ra ngoài khu vực nội thành

Các Bộ, ngành Trung ương và UBND thành phố Hà Nội tập trung đẩy nhanh tiến độ lập đề án quy hoạch chuyên ngành, xác định danh mục cơ sở cần phải di dời, lộ trình di dời, biện pháp thực hiện và đề xuất các cơ chế chính sách hỗ trợ di dời theo nhiệm vụ đã được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 130/QĐ-TTg ngày 23/1/2015.

Bộ Xây dựng giám sát chặt chẽ việc tổ chức thực hiện, quản lý và xây dựng theo quy hoạch; tăng cường phối hợp với UBND thành phố Hà Nội, các Bộ ngành và UBND các tỉnh trong vùng Thủ đô có liên quan trong quá trình



thực hiện việc di dời bệnh viện, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở sản xuất.

- Công tác lập và quản lý thực hiện quy hoạch chung ở các đô thị

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về đầu tư, xây dựng, đất đai, quy hoạch đô thị, phát triển đô thị; Nghiên cứu, đổi mới phương pháp quy hoạch đô thị, quản lý phát triển đô thị; Huy động mọi nguồn lực, chú trọng xã hội hóa để triển khai thực hiện đồng bộ quy hoạch đô thị; Xây dựng hệ thống thông tin quy hoạch xây dựng liên thông với hệ thống quản lý thông tin đất đai của ngành tài nguyên môi trường để trở thành một bộ phận của hệ thống Dữ liệu Quốc gia; Hoàn thiện hệ thống các công cụ tài chính, kinh tế đô thị để điều tiết các quan hệ giữa đất đai và quản lý thị trường bất động sản; Tăng cường việc tuyên truyền và phổ biến sâu rộng đến người dân và doanh nghiệp các quy định của pháp luật về quy hoạch, quản lý phát triển đô thị và quản lý đất đai; Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật trong quản lý, sử dụng đất đai; Tăng cường sự giám sát của nhân dân trong công tác phát triển đô thị, quản lý trật tự xây dựng đô thị.

- Công tác cải cách thủ tục hành chính

Tiếp tục tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước ngành Xây dựng, thực hiện việc phân cấp, ủy quyền cho chính quyền địa phương; Nghiên cứu, bổ sung các quy định, văn bản hướng dẫn cụ thể về liên thông hệ thống quản lý văn bản điện tử. Tiếp tục nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin Chính phủ nhằm đáp ứng yêu cầu về số hóa tài liệu.

- Công tác kiểm tra, thanh tra sự tuân thủ quy định pháp luật về quy hoạch, đầu tư xây dựng

Tăng cường, nâng cao chất lượng công tác giám sát đoàn thanh tra, trách nhiệm người được giao nhiệm vụ giám sát và công tác xử lý sau thanh tra; thành lập các đoàn kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện đối với các kết luận thanh tra đã có hiệu lực thi hành đến nay chưa thực hiện hoặc thực hiện chưa triệt để.

Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai thực hiện nghiêm các chỉ đạo, kết luận, quyết định xử lý sau thanh tra. Quan tâm chỉ đạo, định hướng xây dựng kế hoạch thanh tra hàng năm hợp lý, tăng cường thanh tra trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng. Nâng cao năng lực chuyên môn, trách nhiệm cá nhân của cán bộ, công chức được giao quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn.

Ủy ban nhân dân các cấp khắc phục, chấn chỉnh những tồn tại, thiếu sót trong công tác quản lý sử dụng đất, quản đầu tư xây dựng; chấn chỉnh các đơn vị chức năng trong công tác thẩm định quy hoạch, cấp phép xây dựng và quản lý xây dựng sau khi cấp phép.

b) Kiến nghị

Tăng cường công tác giám sát đối với lĩnh vực quản lý đầu tư xây dựng, trật tự xây dựng và xử lý vi phạm, làm cơ sở rà soát, tổng kết đánh giá hệ thống

văn bản pháp luật về xây dựng, đảm bảo hiệu quả công tác quản lý nhà nước; kịp thời giải quyết các kiến nghị, đề xuất của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Giao Chính phủ tiếp tục chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật về đầu tư xây dựng, trọng tâm là dự thảo và trình Quốc hội về Luật sửa đổi một số điều của Luật Xây dựng, Luật quản lý phát triển đô thị.

Xem xét sửa đổi một số điều của Luật Thanh tra, Luật Xử lý vi phạm hành chính làm cơ sở hoàn thiện tổ chức và hoạt động thanh tra ngành xây dựng.

## VIII. LĨNH VỰC THUỘC TRÁCH NHIỆM CỦA BỘ TƯ PHÁP

### 1. Về thực hiện thông báo số 1672/TB-TTKQH NGÀY 09/4/2018 của Tổng thư ký Quốc hội

a) Nội dung “*Nghiên cứu đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Trong thời gian chưa sửa Luật này, đề nghị các cơ quan tăng cường công tác phối hợp, tháo gỡ vướng mắc để thực hiện đúng luật, trước hết là các quy định trong việc lập chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2019 và điều chỉnh chương trình năm 2018, chú trọng các quy định về đánh giá tác động, xây dựng nội dung về chính sách*”.

- Tình hình triển khai thực hiện

Trên cơ sở đề xuất của Bộ Tư pháp, Chính phủ đã trình và được Quốc hội khóa XIV thông qua Nghị quyết số 57/2018/QH14 về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2019 và điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2018 (thông qua ngày 08/6/2018, tại Kỳ họp thứ 5). Theo đó, dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (Luật BHVBQPPL) sẽ trình Quốc hội cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 8 (tháng 10/2019) và thông qua tại Kỳ họp thứ 9 (tháng 6/2020).

Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Tư pháp chủ trì xây dựng dự án Luật nêu trên. Bộ Tư pháp đã ban hành Kế hoạch soạn thảo, Quyết định thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập dự án Luật; phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương tổ chức nghiên cứu, rà soát, đánh giá tình hình 03 năm thi hành Luật BHVBQPPL năm 2015 và đề xuất nội dung sửa đổi, bổ sung; chuẩn bị hồ sơ dự án Luật theo đúng quy định của Luật BHVBQPPL năm 2015; tổ chức lấy ý kiến các Bộ, cơ quan ngang Bộ, HĐND, UBND các cấp và cơ quan, tổ chức có liên quan và tổ chức thẩm định dự án Luật (ngày 29/3/2019). Hiện nay, Chính phủ đang giao Bộ Tư pháp nghiên cứu, tiếp thu ý kiến thẩm định để chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ trình trong tháng 6/2019.

Trong thời gian đang sửa đổi Luật BHVBQPPL, Chính phủ thường xuyên chỉ đạo các Bộ, ngành tiếp tục thực hiện nghiêm túc các quy định của Luật BHVBQPPL; đặc biệt chú trọng các quy định về đánh giá tác động, xây dựng nội dung về chính sách để bảo đảm tính khả thi của các chính sách, các quy định khi chuẩn bị các đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, nghị quyết để đưa

vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2019, điều chỉnh năm 2018; Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2020, điều chỉnh năm 2019.

- Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Việc đánh giá tác động của chính sách vẫn còn mang tính hình thức; nhiều nội dung chính sách là những vấn đề mới, khó, trong khi trình độ, năng lực của cán bộ thực hiện đánh giá tác động của chính sách chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu.

b) Nội dung “*Chính phủ dành thời gian thỏa đáng để thảo luận tập thể, nâng cao chất lượng xem xét, quyết định về các chính sách lớn, những vấn đề còn ý kiến khác nhau, hoàn chỉnh đầy đủ thủ tục, hồ sơ của Chính phủ trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội; hồ sơ của Chính phủ trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội phải thể hiện đã được tập thể Chính phủ biểu quyết thông qua (có nghị quyết, biên bản hoặc tổng hợp phiếu lấy ý kiến). Không trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội các dự án không đảm bảo đầy đủ hồ sơ, không chất lượng và tính khả thi, không đủ nguồn lực thực hiện; thực hiện tốt hơn nữa công tác thẩm định đối với các đề nghị xây dựng các dự án luật, pháp lệnh và các dự án luật, pháp lệnh trước khi trình Chính phủ. Các cơ quan chủ trì xây dựng luật, pháp lệnh phải nghiêm túc tiếp thu, giải trình đầy đủ ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp*”

- Tình hình triển khai thực hiện:

Xác định được tầm quan trọng của công tác xây dựng pháp luật, Chính phủ đã ưu tiên, dành nhiều thời gian hơn cho công tác xây dựng pháp luật. Đối với các dự án luật quan trọng, phức tạp, Thường trực Chính phủ tổ chức nhiều cuộc họp đề cho ý kiến. Đặc biệt, từ tháng 03/2018 đến nay, Chính phủ đã tổ chức 02 Phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật (tháng 8/2018 và tháng 3/2019).

Các dự án trình Chính phủ xem xét, cho ý kiến và chỉnh lý, hoàn thiện trước khi trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đều được thực hiện đúng quy trình quy định tại Luật BHVBQPPL, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật này và Quy chế làm việc của Chính phủ; Hồ sơ các dự án khi trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đều thể hiện rõ đã được tập thể Chính phủ biểu quyết thông qua.

Để nâng cao chất lượng các dự án, dự thảo trình Quốc hội, Chính phủ đã chỉ đạo, kiên quyết không trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội các dự án không đảm bảo đầy đủ hồ sơ, không chất lượng và tính khả thi, không đủ nguồn lực thực hiện.

Để nâng cao chất lượng công tác soạn thảo, thẩm định văn bản quy phạm pháp luật, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Công điện số 160/LĐCP ngày 16/4/2018 chấn chỉnh việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương và nâng cao hiệu quả công tác xây dựng pháp luật; Bộ Tư pháp đã ban hành Công văn số 1653/BTP-VĐCXDPL ngày 16/5/2018 về nâng cao chất lượng, đảm bảo tiến độ xây dựng luật, pháp lệnh và ban hành văn bản quy định chi tiết. Nhờ đó, chất lượng công tác soạn thảo, thẩm định VBQPPL được nâng lên, bảo đảm tiến độ, chất lượng, một số mặt công tác đạt kết quả cụ thể như:

Tất cả các đề nghị xây dựng và dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết Chính phủ trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đều được Bộ Tư pháp thành lập Hội đồng thẩm định. Ý kiến thẩm định bảo đảm chính xác, khách quan, phần lớn được cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp thu.

- Tồn tại, hạn chế :

+ Hồ sơ một số dự án, dự thảo gửi Bộ Tư pháp thẩm định còn chậm; cơ quan chủ trì soạn thảo gửi thiếu hồ sơ hoặc hồ sơ chưa đáp ứng theo quy định của Luật BHVBQPPL năm 2015 phải yêu cầu bổ sung, hoàn thiện.

+ Sự phối hợp tham gia thẩm định của các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan vẫn còn hạn chế, chưa bố trí được người tham gia hoặc cử cán bộ tham gia còn ít kinh nghiệm xây dựng văn bản nên chất lượng ý kiến tham gia thẩm định chưa cao, đặc biệt các cơ quan là thành phần bắt buộc trong hội đồng thẩm định.

+ Ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp đối với một số dự án, dự thảo chưa được tiếp thu đầy đủ hoặc có giải trình nhưng chưa thuyết phục. Có trường hợp, dự án, dự thảo cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung nhiều vấn đề mới sau khi thẩm định nên Bộ Tư pháp phải phát biểu bổ sung tại phiên họp Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ yêu cầu có ý kiến thẩm định bổ sung của Bộ Tư pháp.

*Nguyên nhân*

+ Số lượng dự án, dự thảo cần ban hành, sửa đổi, bổ sung rất lớn, trong đó có nhiều dự án, dự thảo cần phải ban hành gấp theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, Luật BHVBQPPL năm 2015 yêu cầu cao và chặt chẽ về trình tự, thủ tục, đòi hỏi nhiều thời gian để thực hiện.

+ Một số quy định của Luật BHVBQPPL năm 2015 còn bất cập.

+ Đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác thẩm định còn thiếu về số lượng, kiến thức và kinh nghiệm chuyên sâu về các lĩnh vực chuyên ngành còn hạn chế.

c) Nội dung *“Tăng cường công tác phối hợp giữa các Bộ, cơ quan ngang Bộ với các cơ quan Quốc hội trong quá trình lập dự kiến Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh, soạn thảo, chỉnh lý, trình dự án luật, pháp lệnh, nhằm bảo đảm sự thống nhất về nội dung, hạn chế phải lùi thời hạn trình, rút dự án ra khỏi chương trình”*

- Tình hình triển khai thực hiện

Nhằm nâng cao chất lượng các đề nghị, dự án, dự thảo luật, pháp lệnh, nghị quyết, Chính phủ thường xuyên quán triệt các Bộ, cơ quan ngang Bộ chủ động tăng cường phối hợp với các cơ quan Quốc hội trong quá trình lập dự kiến Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh; soạn thảo, chỉnh lý, trình dự án luật, pháp lệnh. Bộ Tư pháp đã tổ chức họp với đại diện Ủy ban Pháp luật của Quốc hội, Văn phòng Quốc hội và các cơ quan liên quan nhằm trao đổi, thảo luận, làm rõ các vấn đề còn có ý kiến khác nhau. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ được giao chủ trì xây dựng luật, pháp lệnh, nghị quyết cũng đã chủ động hơn trong việc phối hợp với các cơ quan của Quốc hội để trao đổi, thảo luận, giải

trình rõ hơn những vấn đề liên quan trong quá trình soạn thảo, chỉnh lý và trình các dự án, dự thảo.

- *Tồn tại, hạn chế*: Trong một số trường hợp, hiệu quả phối hợp giữa các Bộ, cơ quan ngang Bộ với các cơ quan Quốc hội trong quá trình lập dự kiến Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh; soạn thảo, chỉnh lý, trình dự án luật, pháp lệnh chưa được như mong muốn do thời gian đầu tư nghiên cứu, tham gia ý kiến đối với một số dự án, dự thảo chưa nhiều.

d) Nội dung *"Đề cao vai trò, trách nhiệm của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, các tổ chức, cá nhân, đặc biệt là trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong việc bảo đảm tiến độ, hồ sơ, thủ tục, chất lượng các đề nghị, dự án, dự thảo trình, cũng như trong việc triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật"*

- *Tình hình triển khai thực hiện*

Tại các phiên họp thường kỳ của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ cũng đã nhắc nhở và kiểm điểm từng Bộ trưởng còn để xảy ra tình trạng xin rút, xin lùi các dự án luật, trình các dự án luật có chất lượng chưa cao, chậm, nợ ban hành văn bản quy định chi tiết; nội dung này cũng đã được đưa vào các nghị quyết phiên họp thường kỳ của Chính phủ.

Bộ Tư pháp đã có Công văn số 1653/BTP-VĐCXDPL ngày 16/5/2018 gửi các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, trong đó đề nghị các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ đề cao trách nhiệm cá nhân trong việc bảo đảm tiến độ, hồ sơ, thủ tục, chất lượng các đề nghị, dự án, dự thảo trình; đồng thời, hướng dẫn việc chuẩn hóa hồ sơ, tài liệu đề nghị, dự án, dự thảo luật, pháp lệnh, nghị quyết gửi thẩm định và trình Chính phủ, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội.

Bộ Tư pháp đã kịp thời tổ chức quán triệt việc thực hiện kết luận về chất vấn tại phiên họp thứ 22 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tới Sở Tư pháp 63 địa phương tại các Hội nghị tập huấn nghiệp vụ công tác PBGDPL tổ chức tại 03 miền Bắc, Trung, Nam (Thừa Thiên Huế, Điện Biên, Cần Thơ); tổ chức Hội thảo *"Các giải pháp đẩy mạnh công tác phổ biến giáo dục pháp luật, nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật"*.

Bộ Tư pháp cũng đã tích cực tham mưu các giải pháp để phát huy vai trò của từng thành viên Hội đồng trong tư vấn chỉ đạo, định hướng, triển khai công tác PBGDPL về lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý tại Bộ, ngành, đoàn thể theo đúng định hướng triển khai công tác này đã được xác định tại các Nghị quyết, Kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- *Tồn tại, hạn chế*

+ Tình trạng xin lùi, rút hoặc bổ sung dự án vào Chương trình; gửi hồ sơ dự án, dự thảo đến Ủy ban Thường vụ Quốc hội, cơ quan thẩm tra, đại biểu Quốc hội chậm so với quy định vẫn xảy ra. Có dự án không chuẩn bị kịp hồ sơ trình nên Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã quyết định rút ra khỏi Chương trình.

+ Chất lượng tư vấn của Hội đồng các cấp nói chung, ở Trung ương nói riêng còn hạn chế.

*Nguyên nhân*

+ Lãnh đạo một số Bộ, cơ quan ngang Bộ chưa thực sự quan tâm, tập trung chỉ đạo công tác xây dựng pháp luật. Việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính trong xây dựng pháp luật có lúc còn chưa nghiêm.

+ Nguồn lực bảo đảm, nhất là cán bộ và kinh phí chưa đáp ứng được đòi hỏi của công tác xây dựng pháp luật theo quy định của Luật BHVBQPPL năm 2015.

+ Một số thành viên Hội đồng, Ban Thư ký Hội đồng PBGDPL nhận thức chưa đầy đủ về trách nhiệm trong chỉ đạo, không tham gia đầy đủ hoạt động của Hội đồng.

đ) Nội dung “*tiếp tục củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác xây dựng pháp luật, phổ biến, giáo dục pháp luật, tổ chức thi hành pháp luật, nhất là đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác pháp chế ở bộ, ngành và địa phương. Quan tâm lấy ý kiến các chuyên gia, nhà khoa học, đối tượng chịu tác động của văn bản để bảo đảm phù hợp với thực tiễn*”

- Tình hình triển khai thực hiện

+ Hằng năm, Bộ Tư pháp đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thường xuyên tổ chức các khóa bồi dưỡng, tập huấn chuyên sâu cho cán bộ, công chức tham gia xây dựng VBQPPL về kiến thức, kỹ năng xây dựng chính sách, đánh giá tác động của chính sách, thẩm định chính sách trong quá trình lập đề nghị xây dựng và soạn thảo VBQPPL, thẩm định dự án, dự thảo VBQPPL; kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa, hợp nhất VBQPPL, pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật; kiểm soát thủ tục hành chính; lấy ý kiến góp ý đối với dự án, dự thảo VBQPPL; đánh giá việc thi hành VBQPPL. Ngoài ra, Bộ Tư pháp cũng đã biên soạn và phát hành nhiều tài liệu, sổ tay hướng dẫn nghiệp vụ, kỹ năng cần thiết cho cán bộ, công chức làm công tác xây dựng pháp luật.

+ Tổ chức nhiều đợt phổ biến, tập huấn, đào tạo tại, tạo điều kiện cho công chức của bộ, ngành, địa phương tham dự các khóa bồi dưỡng chuyên sâu về xây dựng VBQPPL và hoàn thiện hệ thống pháp luật do Bộ Tư pháp tổ chức.

Hầu hết đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác xây dựng pháp luật của Bộ Tư pháp, Vụ Pháp chế các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đều được đào tạo chính quy, bài bản.

+ Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 471/QĐ-TTg ngày 26/4/2019 phê duyệt Đề án tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật giai đoạn 2019-2021; Quyết định số 705/QĐ-TTg ngày 25/5/2017 ban hành Chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật giai đoạn 2017-2021. Bộ Tư pháp có Quyết định số 3147/QĐ-BTP ngày 28/12/2018 ban hành Chương trình khung bồi dưỡng nghiệp vụ báo cáo viên

pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật. Chính phủ cũng đã chỉ đạo Bộ Tư pháp quan tâm tham mưu, hướng dẫn để củng cố, kiện toàn, nâng cao năng lực, trình độ cho đội ngũ cán bộ làm công tác PBGDPL.

+ Về kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác tổ chức thi hành pháp luật, ngày 26/02/2018, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 242/QĐ-TTg phê duyệt “Đề án Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật giai đoạn năm 2018 - 2022”, Bộ Tư pháp cũng đã ban hành Quyết định số 1020/QĐ-BTP ngày 08/5/2018 ban hành Kế hoạch thực hiện “Đề án Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật giai đoạn năm 2018-2022” và tổ chức các Hội nghị quán triệt, triển khai thực hiện Đề án.

+ Chính phủ, Bộ Tư pháp quan tâm lấy ý kiến các chuyên gia, nhà khoa học, đối tượng chịu tác động của văn bản để bảo đảm phù hợp với thực tiễn.

- Tồn tại, hạn chế:

+ Việc kiện toàn tổ chức pháp chế ở địa phương còn chậm, các Phòng Pháp chế tiếp tục bị giải thể.

+ Chưa có sự phối hợp chặt chẽ trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao, sự quan tâm chỉ đạo, lãnh đạo công tác pháp chế còn mờ nhạt, nhiều khi chỉ mang tính hình thức, chưa đi vào thực chất.

+ Trình độ, năng lực của đội ngũ những người làm công tác pháp chế chưa đồng đều.

+ Chế độ, chính sách đối với người làm công tác pháp chế chưa được quan tâm đúng mức.

*Nguyên nhân*

+ Công tác phối hợp và chủ động nâng cao trình độ năng lực cho cán bộ pháp chế bộ ngành còn hạn chế.

+ Chủ trương, chính sách của Đảng về tinh giảm biên chế đang được triển khai mạnh mẽ, ảnh hưởng không nhỏ tới việc kiện toàn Phòng Pháp chế ở địa phương.

e) Nội dung “*đẩy mạnh hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật bằng nhiều hình thức sinh động, phong phú và thiết thực hơn; nâng cao ý thức tôn trọng, tuân thủ, chấp hành pháp luật, góp phần đưa pháp luật sớm đi vào cuộc sống, nhất là các văn bản mới ban hành. Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, theo dõi việc thực hiện gắn với triển khai bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật*”

- Tình hình thực hiện

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 14/2019/QĐ-TTg ngày 13/3/2019 về xây dựng, quản lý, khai thác Tủ sách pháp luật (thay thế Quyết định số 06/2010/QĐ-TTg ngày 25/01/2010 về việc xây dựng, quản lý, khai thác Tủ sách pháp luật) và Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin

trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật giai đoạn 2019-2021” (Quyết định số 417/QĐ-TTg ngày 26/4/2019).

Thông qua chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tư pháp, nhiều hình thức PBGDPL mới được các Bộ, ngành, địa phương áp dụng, mang lại hiệu quả tích cực, thiết thực và có sức lan tỏa lớn đến với đông đảo nhân dân. Đặc biệt, các hoạt động hưởng ứng tổ chức Ngày Pháp luật đã trở thành hoạt động thường niên hàng năm, được các Bộ, ngành, địa phương quan tâm triển khai có hiệu quả.

Hoạt động kiểm tra theo chức năng của Hội đồng được Bộ Tư pháp, Hội đồng phối hợp PBGDPL Trung ương chỉ đạo và tổ chức thực hiện định kỳ hàng năm. Thông qua công tác kiểm tra đã nắm bắt tình hình triển khai công tác này trên thực tiễn, có giải pháp tháo gỡ vướng mắc, khó khăn kịp thời cũng như định hướng để triển khai có hiệu quả, thực chất hơn. Bộ Tư pháp đã ban hành và triển khai Thông tư số 03/2018/TT-BTP ngày 10/3/2018 quy định Bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả công tác PBGDPL.

- Tồn tại, hạn chế:

+ Công tác theo dõi, chỉ đạo, hướng dẫn, phối hợp triển khai thực hiện PBGDPL còn chậm, chưa linh hoạt theo sát các vấn đề dư luận xã hội quan tâm hoặc định hướng dư luận xã hội.

+ Hoạt động của Hội đồng phối hợp PBGDPL các cấp còn chưa thực sự hiệu quả, có nơi mang tính hình thức.

+ Kinh phí thực hiện nhiều chương trình, kế hoạch, đề án, nhiệm vụ về PBGDPL, nhất là kinh phí từ ngân sách nhà nước còn hạn hẹp.

+ Công tác xã hội hóa PBGDPL còn hạn chế, chưa thu hút được nhiều nguồn lực xã hội tham gia.

*Nguyên nhân :*

+ Một số Bộ, ngành, địa phương nhận thức chưa đầy đủ về trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ được giao; chưa quan tâm đúng mức đến công tác quản lý nhà nước về PBGDPL; việc hướng dẫn, chỉ đạo chưa quyết liệt, chưa bố trí các điều kiện cả về nhân lực, tài chính cho công tác này; chất lượng tham mưu của cơ quan Tư pháp các cấp và cơ quan thường trực Hội đồng chưa cao.

+ Khối lượng công việc PBGDPL phải triển khai nhiều, đa dạng, trên diện rộng, đòi hỏi sự phối hợp thường xuyên, liên tục. Trong khi đó, nguồn nhân lực, kinh phí bảo đảm cho công tác này chưa tương xứng với yêu cầu của nhiệm vụ công tác.

## **2. Giải pháp, kiến nghị**

### **a) Giải pháp**

- Tiếp tục thực hiện nghiêm quy định của Luật BHVBQPPL năm 2015; chú trọng xây dựng nội dung của chính sách, đánh giá tác động của chính sách, lấy ý kiến, thẩm định chính sách...; đồng thời tiếp tục xây dựng, hoàn thiện dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BHVBQPPL. Trong



quá trình lập Đề nghị về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh, phải chú trọng đúng trọng tâm, trọng điểm, đảm bảo tính khả thi.

- Chú trọng phối hợp giữa Chính phủ, các cơ quan được giao chủ trì soạn thảo luật, pháp lệnh, nghị quyết với các cơ quan của Quốc hội trong việc lập đề nghị, soạn thảo, hoàn thiện, trình các dự án, dự thảo. Tăng cường tổ chức các hội thảo, tọa đàm và các hoạt động nghiên cứu trước và sau khi tổ chức thẩm định để làm rõ thêm các vấn đề phức tạp, còn có ý kiến khác nhau.

- Chính phủ dành thời gian thỏa đáng để thảo luận các dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết tại các Phiên họp thường kỳ, Phiên họp chuyên đề.

- Đầu tư nguồn lực thỏa đáng đi đôi với việc tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong công tác xây dựng pháp luật; xác định rõ trách nhiệm của người đứng đầu trong việc bảo đảm tiến độ, hồ sơ, thủ tục và chất lượng các dự án, dự thảo văn bản.

- Củng cố, kiện toàn và phát huy đầy đủ, hiệu quả vai trò của tổ chức pháp chế tại các Bộ, ngành. Ưu tiên bố trí biên chế, tăng cường hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác xây dựng, thẩm định, PBGDPL, tổ chức thi hành pháp luật.

- Tăng cường xã hội hóa công tác PBGDPL; Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin gắn với triển khai hiệu quả Đề án "*Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác phổ biến giáo dục pháp luật giai đoạn 2019-2021*". Kịp thời định hướng PBGDPL ngay từ khâu xây dựng dự thảo văn bản nhằm tạo sự đồng thuận trong xã hội.

#### b) Kiến nghị

Đề nghị Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn Đại biểu Quốc hội, Đại biểu Quốc hội, Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp tăng cường giám sát việc thực hiện Luật BHVBQPPL; Luật PBGDPL và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật cũng như việc triển khai thi hành các luật, pháp lệnh; chú trọng thông tin chính sách, pháp luật cho Nhân dân thông qua các hoạt động tiếp xúc cử tri theo định kỳ; quan tâm phân bổ kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm triển khai thi hành luật, pháp lệnh và các văn bản mới ban hành; có chính sách đầu tư nguồn lực cho công tác PBGDPL tại các địa phương thuộc diện ngân sách trung ương hỗ trợ.

### IX. LĨNH VỰC DÂN TỘC

#### 1. Về thực hiện Thông báo số 2198/TB-TTKQH ngày 31/8/2018 của Tổng Thư ký Quốc hội

a) Nghiên cứu, đổi mới chính sách đối với đồng bào dân tộc và tổ chức thực hiện hiệu quả các chính sách đã được ban hành

- Tổ chức thực hiện các chính sách hiện hành

Triển khai thực hiện Quyết định số 176-QĐ/TW ngày 18 tháng 02 năm 2019 của Ban Bí thư Trung ương; Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 06 tháng 3 năm 2019 của Ban Chỉ đạo Trung ương và Kế hoạch tổng kết 15 năm thực

hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12 tháng 3 năm 2003 của BCH Trung ương Đảng Khóa IX về công tác dân tộc và 25 năm thực hiện Chỉ thị số 45-CT/TW ngày 23 tháng 9 năm 1994 của Ban Bí thư Khóa VII về một số công tác ở vùng dân tộc Mông; Xây dựng dự thảo Báo cáo Tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết 24 gắn với Kết luận 57 của Bộ Chính trị; xây dựng dự thảo Báo cáo Tổng kết 25 năm thực hiện Chỉ thị 45 gắn với Kết luận 64 của Ban Bí thư...

Đã tập trung chỉ đạo thực hiện đồng bộ, hiệu quả các Chương trình, chính sách, đề án đã được phê duyệt. Đoàn giám sát của Quốc hội chỉ rõ mặt được và những hạn chế trong việc thực hiện chính sách, pháp luật sau khi hoàn thành chương trình giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn vùng DTTS và miền núi giai đoạn 2012-2018 để Chính phủ tiếp thu, chỉ đạo hoàn thiện trong giai đoạn tiếp theo. Nhiều chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS và miền núi được thực thi. Riêng vốn đầu tư, Chính phủ đã trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội 1.000 tỷ đồng và mới được thông qua tại kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XIV.

Triển khai Đề án “Đẩy mạnh công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào vùng DTTS và miền núi giai đoạn 2017-2021”; “Cấp một số ấn phẩm, báo tạp chí cho vùng DTTS và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn giai đoạn 2019-2021”, “Thí điểm cấp ra-đi-ô cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn giai đoạn 2017-2020”. Triển khai thực hiện Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg về tiêu chí lựa chọn công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số.

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành tiêu chí xác định xã, thôn hoàn thành mục tiêu dự án 2 (Chương trình 135) thuộc Chương trình Mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020; Phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ đồng bào DTTS phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS Việt Nam giai đoạn 2019 - 2025”; Phê duyệt Đề án vận động nguồn lực xã hội hỗ trợ trẻ em các xã đặc biệt khó khăn thuộc vùng DTTS và miền núi giai đoạn 2019-2025.

Thực hiện Kế hoạch triển khai Đề án “Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số” năm 2019; thực hiện các chương trình, đề án về bình đẳng giới của UBĐT năm 2019. Ban hành văn bản hướng dẫn các địa phương tổ chức Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số cấp huyện, tỉnh lần thứ III năm 2019.

- Tiếp tục nghiên cứu, đổi mới chính sách

Chính phủ giao Ủy ban Dân tộc nhiệm vụ chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành tiếp tục nghiên cứu, xây dựng một số đề án chính sách như: Nghị định của Chính phủ về chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội cho đồng bào DTTS nghèo vùng đồng bằng sông Cửu Long; Đề án Bảo vệ và phát triển DTTS dưới 10 nghìn người theo hướng đảm bảo sự phát triển đồng đều, bình đẳng giữa các dân tộc; Nghị định của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng, tạo nguồn và phát huy đội ngũ cán bộ người DTTS; Rà soát, sửa đổi

Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg về quy định chế độ phụ cấp đối với nhân viên y tế thôn, bản.

b) Rà soát, cân đối, ưu tiên đầu tư bố trí đủ nguồn lực thực hiện chính sách đầu tư phát triển KT-XH vùng DTTS và miền núi đang có hiệu lực

c) Nghiên cứu đề xuất chương trình mục tiêu chung phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS và miền núi trong thời gian tới có tính dài hạn

Tập trung đầu tư phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS và miền núi, vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, huy động mọi nguồn lực thuộc các thành phần kinh tế và các nguồn tài trợ quốc tế để phát triển kinh tế nhanh, bền vững, hiệu quả. Trong đó ngân sách nhà nước giữ vai trò quan trọng, quyết định.

Giữ vững ổn định chính trị, không ngừng củng cố khối đại đoàn kết các dân tộc; xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh, củng cố quốc phòng an ninh, bảo vệ vững chắc chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ đất nước, gắn với xây dựng tuyến biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển đối với các nước có chung đường biên giới.

d) Rà soát đánh giá, nghiên cứu xây dựng Bộ tiêu chí phân định miền núi, vùng cao và phân định vùng DTTS theo trình độ phát triển.

## **2. Khó khăn, tồn tại**

- Kinh tế chậm phát triển so với tiềm năng và chưa vững chắc; cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động chuyển dịch chậm. Tình trạng thiếu việc làm, thu nhập và chất lượng nguồn nhân lực thấp, tỷ lệ hộ nghèo cao, thoát nghèo thiếu bền vững, địa hình hiểm trở, thiên tai khắc nghiệt, dịch bệnh bất thường, khoảng cách giàu nghèo ngày càng lớn giữa các dân tộc, vùng, miền; Cơ sở hạ tầng vùng DTTS vẫn còn rất thiếu và yếu kém; Chất lượng giáo dục, y tế, văn hóa vẫn còn thấp so với mặt bằng chung cả nước; Tình trạng cán bộ người DTTS thiếu về số lượng và yếu về chất lượng, nhất là cán bộ các ngành khoa học kỹ thuật, y tế, giáo dục.

Tình hình an ninh trật tự vùng DTTS và miền núi vẫn tiềm ẩn nhiều nguy cơ bất ổn; Hệ thống chính sách chưa đồng bộ, nguồn lực bố trí cho các chính sách dân tộc chưa thể hiện rõ được tính ưu tiên theo đúng chủ trương, mục tiêu.

Nguyên nhân: Xuất phát điểm vùng DTTS và miền núi, nhất là chất lượng giáo dục và nguồn nhân lực thấp, biến đổi khí hậu gia tăng, khả năng thích ứng của đồng bào với xu thế phát triển, hội nhập của đất nước còn chậm; Nhiều chính sách thực hiện trên cùng địa bàn nhưng riêng lẻ, phân tán nên hiệu quả không cao. Hệ thống tổ chức làm công tác dân tộc từ Trung ương đến cơ sở chưa hoàn chỉnh, thiếu đồng bộ, không ổn định.

## **3. Kiến nghị**

Đề nghị Quốc hội xem xét, phê duyệt Đề án tổng thể đầu tư phát triển kinh tế, xã hội vùng DTTS, miền núi, vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn giai đoạn 2021-2026, định hướng 2030; giao Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tổ chức thực hiện; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện với Quốc hội; 3 năm sơ

kết, 5 năm tổng kết thực hiện đề án, khẳng định kết quả đạt được, chỉ ra hạn chế, bất cập, nguyên nhân và đề xuất giải pháp cho giai đoạn tiếp theo.

## **X. LĨNH VỰC THUỘC TRÁCH NHIỆM CỦA BỘ CÔNG AN**

### **1. Về việc thực hiện Thông báo số 2198/TB-TTKQH ngày 31/8/2018 của Tổng Thư ký Quốc hội**

a) Tiếp tục rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách pháp luật, tạo hành lang pháp lý cần thiết cho công tác đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm.

Lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật về an ninh, trật tự như các dự án Luật an ninh mạng, Luật Công an nhân dân (sửa đổi), Luật đặc xá (sửa đổi), Luật bảo vệ bí mật nhà nước và trình Quốc hội cho ý kiến về dự án Luật thi hành án hình sự (sửa đổi).

Tham gia xây dựng hơn 20 luật, pháp lệnh, nghị quyết, trong đó có nhiều dự án luật, nghị quyết liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của lực lượng Công an và công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Tập trung chỉ đạo xây dựng các văn bản hướng dẫn thi hành, tổ chức tập huấn chuyên sâu liên quan đến công tác bảo đảm an ninh, trật tự;

Chú trọng công tác cải cách hành chính và kiểm soát thủ tục hành chính trong Công an nhân dân, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, doanh nghiệp và người dân.

b) Nâng cao hiệu quả phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, củng cố và tiếp tục xây dựng thế trận an ninh nhân dân vững chắc

Tiếp tục tham mưu với Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Chính phủ chỉ đạo đẩy mạnh công tác xây dựng phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc nhằm tiếp tục huy động cả hệ thống chính trị tham gia công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo vệ an ninh, trật tự và xây dựng thế trận an ninh nhân dân gắn với thế trận lòng dân vững chắc. Củng cố, kiện toàn về tổ chức hoạt động của các lực lượng bán chuyên trách, tổ chức tự quản làm nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự ở cơ sở. Xây dựng các khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”... góp phần giải quyết ổn định các vụ việc phức tạp về an ninh, trật tự ngay từ đầu và tại cơ sở.

c) Chủ động nắm tình hình, triển khai các biện pháp bảo đảm an ninh, trật tự không để xảy ra tình trạng gây rối, bạo loạn, khủng bố, lợi dụng dân chủ để kích động người dân vi phạm pháp luật, trọng điểm là ở các thành phố lớn

Chủ động nắm chắc tình hình, kịp thời phát hiện, ngăn chặn từ xa, từ sớm các âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch và phản động.

Bảo đảm an ninh chính trị nội bộ, quản lý cán bộ, đảng viên, bảo vệ bí mật Nhà nước; giải quyết ổn định các vụ khiếu nại, tố cáo, tranh chấp khiếu kiện đông người, phức tạp kéo dài.

Phát hiện và xử lý các vi phạm pháp luật về môi trường, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về phòng cháy, chữa cháy

Triển khai đồng bộ, quyết liệt nhiều kế hoạch, biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.

d) Công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm đạt và vượt các chỉ tiêu Quốc hội đề ra, điều tra, khám phá nhanh các vụ trọng án, tạo chuyển biến tích cực về trật tự, an toàn xã hội.

Chỉ đạo triển khai các đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm theo chuyên đề; các ngày lễ lớn, sự kiện trọng đại của đất nước; thực hiện nhiều giải pháp phòng ngừa xã hội, phòng ngừa nghiệp vụ, tấn công trấn áp tội phạm, góp phần kiềm chế sự gia tăng của tội phạm, giải quyết tốt những vấn đề phức tạp nổi lên trên các tuyến, địa bàn trọng điểm.

- Về tội phạm về trật tự xã hội: mở cao điểm tấn công trấn áp, truy nã tội phạm, tăng cường phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm và vi phạm pháp luật liên quan đến hoạt động “tín dụng đen”; đấu tranh phòng, chống tội phạm xâm hại trẻ em, tội phạm trong lứa tuổi chưa thành niên, chống bạo lực gia đình, mua bán người giai đoạn 2018-2020, tăng cường đấu tranh với tội phạm có tổ chức; tội phạm chống người thi hành công vụ, cướp ngân hàng, tiệm vàng, trộm cắp, bảo kê, cờ bạc, cá độ bóng đá;

- Tập trung triển khai thực hiện các phương án, kế hoạch giải quyết tình hình phức tạp về ma túy trên các tuyến, địa bàn trọng điểm; Kiểm tra, phát hiện, xử lý các tụ điểm sử dụng ma túy tổng hợp trong các quán bar, nhà hàng, vũ trường; triển khai các giải pháp phòng ngừa, ngăn chặn tình trạng sử dụng ma túy tổng hợp và các hành vi vi phạm pháp luật do các đối tượng sử dụng ma túy tổng hợp gây ra...

- Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật khác trong ngành Giáo dục: đấu tranh với hoạt động làm, mua bán và sử dụng văn bằng, chứng chỉ giả, điều tra mở rộng, xử lý nghiêm các đối tượng gian lận thi cử tại một số địa phương, tiến hành các hoạt động phòng, chống ma túy, bạo lực học đường, tội phạm trong thanh thiếu niên...

đ) Triển khai nhiều kế hoạch, biện pháp phát hiện, đấu tranh với tội phạm sử dụng công nghệ cao; triệt phá nhiều đường dây tội phạm cờ bạc, cá độ bóng đá qua mạng Internet; tội phạm người nước ngoài sử dụng công nghệ cao tại Việt Nam.

e) Tổ chức sơ kết 05 năm thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát việc thanh tra vụ việc, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử các vụ án kinh tế, tham nhũng nghiêm trọng dư luận xã hội quan tâm. Kiến nghị nhiều giải pháp khắc phục sơ hở, thiếu sót trong công tác quản lý kinh tế - xã hội góp phần phòng ngừa tội phạm. Phát hiện, điều tra, khám phá thành công nhiều chuyên án lớn, triệt phá được các đường dây buôn lậu, gian lận thương mại...

Kiểm tra, đôn đốc quyết liệt công tác phòng, chống tội phạm kinh tế, tham nhũng tại các địa phương; chỉ đạo triển khai nhiều kế hoạch, biện pháp nghiệp vụ tăng cường nắm tình hình, phát hiện, đấu tranh với tội phạm kinh tế, tham nhũng, buôn lậu trong các ngành, lĩnh vực kinh tế trọng điểm.

Đẩy nhanh tiến độ điều tra các vụ án kinh tế, tham nhũng thuộc diện Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng theo dõi, chỉ đạo và đạt được những kết quả rõ nét.

g) Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về an ninh, trật tự.

Chủ động nắm tình hình, tham mưu với cấp ủy, chính quyền địa phương triển khai các biện pháp giữ vững ổn định an ninh, trật tự tại các vùng nông thôn, vùng dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, không để kẻ xấu lợi dụng kích động chống phá, hoạt động phạm tội.

Đẩy mạnh các biện pháp nghiệp vụ, đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật và tội phạm tại các tuyến, địa bàn phức tạp về an ninh, trật tự.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý hành chính về trật tự, an toàn xã hội; thực hiện có hiệu quả công tác quản lý xuất, nhập cảnh, quản lý người nước ngoài; công tác đăng ký, quản lý cư trú nhất là tại các khu vực biên giới;

Phối hợp triển khai, thực hiện thỏa thuận giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào về việc giải quyết vấn đề người di cư tự do, kết hôn không giá thú trong vùng biên giới hai nước Việt Nam – Lào; giải quyết các vấn đề về quốc tịch, hộ tịch và giấy tờ tùy thân khác cho người dân di cư tự do từ Campuchia về Việt Nam.

Thực hiện tốt công tác tiếp dân, giải quyết thủ tục hành chính về trật tự, an toàn xã hội. Tăng cường kiểm tra, tổ chức vận động nhân dân ký cam kết chấp hành các quy định của pháp luật góp phần bảo đảm an ninh, trật tự ở khu vực nông thôn, khu vực trọng điểm, biên giới, hải đảo. Triển khai thực hiện có hiệu quả Luật Căn cước công dân

Thực hiện Chỉ thị số 07/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường phối hợp triển khai xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; báo cáo Quốc hội bổ sung Dự án Xây dựng cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư vào danh mục đầu tư công trung hạn và đẩy nhanh tiến độ thực hiện, phấn đấu hoàn thành đúng tiến độ được giao.

## **2. Giải pháp, kiến nghị**

a) Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn dân trong công tác bảo đảm an ninh, trật tự, phòng chống tội phạm và vi phạm pháp luật.

b) Tổ chức nắm, phân tích, dự báo sát tình hình thế giới, khu vực, trong nước; kịp thời tham mưu với Đảng, Nhà nước các chủ trương, giải pháp lãnh đạo, chỉ đạo công tác bảo đảm an ninh, trật tự, phòng chống tội phạm và vi phạm pháp luật. Bảo vệ tuyệt đối an toàn các mục tiêu, công trình trọng điểm, các sự kiện chính trị, văn hoá, xã hội quan trọng của đất nước, không để xảy ra bị động, bất ngờ.

c) Đẩy mạnh thực hiện công tác phòng ngừa xã hội, kết hợp chặt chẽ với phòng ngừa nghiệp vụ, tập trung đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, tạo sự tự giác của nhân dân trong phát

hiện, tố giác, tham gia đấu tranh, ngăn chặn các loại tội phạm.

d) Thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng phòng, chống tội phạm, mở các đợt cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm, , tập trung đấu tranh có hiệu quả với tội phạm có tổ chức, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan Tư pháp đẩy nhanh tiến độ điều tra, truy tố, xét xử các vụ án trọng điểm nhằm răn đe tội phạm và giáo dục, phòng ngừa chung.

đ) Nâng cao hiệu quả công tác quản lý Nhà nước về an ninh trật tự, thực hiện các giải pháp bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, trật tự đô thị, đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 47-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng cháy, chữa cháy.

e) Tham mưu Chính phủ ban hành các văn bản hướng dẫn thực thi các Luật được Quốc hội ban hành

g) Mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật;

h) Tăng cường các nguồn lực cho công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật. Thực hiện nghiêm túc chủ trương tinh gọn bộ máy tổ chức, đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động điều tra, giáo dục chính trị, tư tưởng. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, tiếp tục nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ, trang bị phương tiện, cơ sở vật chất phục vụ công tác phòng, chống tội phạm.

Chính phủ trân trọng báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thực hiện các nghị quyết, kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về chất vấn và giám sát chuyên đề từ đầu nhiệm kỳ đến hết năm 2018./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Chủ tịch Quốc hội;
- Hội đồng dân tộc và các UB của QH;
- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Tổng Thư ký Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội: HC (20b), PVHĐGS;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý, Thư ký của TTg và các PTTg, các Vụ, Cục: CN, ĐMDN, KTTH, KGVX, NC, NN, PL, TCCV, TH, TKBT, V.I, KSTT, Công TTĐTCTP;
- Lưu: VT, QHĐP (3b). TĐT 28



**Mai Tiến Dũng**